góc nhìn sử Việt

Đào Trinh Nhất

Lương Ngọc Quyến

"Bể học vượt đầu tiên,
hơn mười năm chí lớn không sờn,
muốn đúc Trời, Thường phù nước tổ."

Xuất bản lần đầu năm 1946

alphabooks

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

Truy điệu tất cả anh hùng liệt sĩ đã chết vì nước từ 1861 đến 1945

LỜI GIỚI THIỆU

Các bạn độc giả thân mến!

Lịch sử văn hóa của một dân tộc không phải của riêng cá nhân nào; việc bảo tồn, gìn giữ và phát triển lịch sử văn hóa chẳng phải riêng một người nào có thể gánh vác được, nó thuộc về nhận thức chung của toàn xã hội và ý thức của từng nhân tố trong từng chặng đường lịch sử. Lịch sử là một khoa học, không phải là thống kê sự kiện một cách khô khan rời rạc. Trái lại mỗi sự kiện lịch sử được liên kết chặt chẽ với nhau bằng một sợi dây vô hình xuyên suốt không gian và thời gian.

Dân tộc Việt Nam ta trải qua hơn 1000 năm Bắc thuộc, gần 100 năm Thực dân, Đế quốc đô hộ, nhưng con cháu bà Trưng, bà Triệu, Lý Thường Kiệt, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Quang Trung vẫn kiên trì bền chí, tin tưởng ở quá khứ hào hùng, hướng tới tương lai rộng mở mà không ngừng tranh đấu vì độc lập tự do của nước nhà.

Một dân tộc muốn trường tồn và phát triển, ngoài việc đẩy mạnh phát triển cơ sở hạ tầng, khoa học kỹ thuật, điều quan trọng hơn cả là phải có một nền tảng giáo dục vững chắc. Trong đó, nền giáo dục dân tộc có sức mạnh ghi khắc trong tâm trí các thế hệ, đặc biệt là tầng lớp thanh niên trẻ, ý thức về nguồn gốc dân tộc, truyền thống văn hóa và nội lực quốc gia. Đồng thời giúp định hình góc nhìn thấu đáo đối với một số triều đại và nhân vật gây tranh cãi trong lịch sử để đúc rút kinh nghiệm, từ đó hình thành nên một con đường cho thế hệ sau hướng về tương lai cống hiến cho quốc gia, cho dân tộc.

Vấn đề học tập, tìm hiểu lịch sử nước nhà hiện đang là mối quan tâm hàng đầu của xã hội. Hội Khoa học Lịch sử Việt Nam, Quỹ Phát triển Sử học Việt Nam, Tạp chí Xưa và Nay... là những tổ chức đã và đang kiên trì con đường thúc đẩy sự phát triển của nền khoa học lịch sử quốc gia, phổ biến tri thức lịch sử, góp phần giáo dục

truyền thống văn hóa dân tộc tới toàn xã hội.

Đồng hành với mối quan tâm của toàn xã hội, Công ty Cổ phần Sách Alpha - một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xuất bản, với tôn chỉ "Tri thức là sức mạnh" - đặc biệt quan tâm tới việc góp phần nâng cao hiểu biết của người dân về truyền thống văn hóa lịch sử đất nước. Kết quả khảo sát, đánh giá nhu cầu của bạn đọc cho thấy rằng, "lỗ hổng lịch sử" ở không ít người trẻ hiện nay hoàn toàn có thể bù lấp một phần dựa trên nguồn tư liệu, công trình nghiên cứu, sách quý hiện đang được các Viện nghiên cứu, các tổ chức, cá nhân lưu giữ.

Để chung tay tái hiện những mảnh ghép lịch sử, chúng tôi triển khai dự án xuất bản với tên gọi Góc nhìn sử Việt với mục đích xuất bản có hệ thống các công trình, tư liệu, sách nghiên cứu, sách văn học có giá trị... tạo thành tủ sách Di sản - góp một phần vào việc bù lấp "lỗ hổng lịch sử" đó. Chương trình xuất bản này được thực hiện theo lộ trình
ba bước:

- Giai đoạn 1 (1,5-2 năm): Tái bản các sách kiến thức phổ thông về lịch sử, tác phẩm văn học lịch sử có nội dung dễ đọc, dễ hiểu phù hợp với đại bộ phận tầng lớp bạn đọc, với độ dày khoảng 300 trang - Tên gọi Tủ sách Góc nhìn sử Việt.

- Giai đoạn 2: Tái bản những bộ sách đồ sộ, có giá trị nghiên cứu cao, đặc biệt là nguồn tài liệu tham khảo nghiên cứu cho chuyên gia, sinh viên và bạn đọc muốn tìm hiểu sâu hơn về lịch sử văn hóa dân tộc.

- Giai đoạn 3: Triển khai tái bản, dịch và xuất bản mới thư tịch cổ Hán-Nôm.

Cuốn sách bạn đang cầm trên tay là một trong những sản phẩm đầu tiên của dự án này.

Xin trân trọng giới thiệu!

Tháng 9 năm 2014

Công Ty Cổ Phần Sách Alpha

I

NGƯỜI HỌC SINH ĐÔNG DU THỨ NHẤT

Mùa thu năm Ất Ty (1905) Phan Sào Nam tiên sinh từ hải ngoại lẻn về được vài ba tháng phải lật đật xuống tàu xuất dương ngay; vì mật thám đã dò biết hành tung, tứ phía bủa lưới tập nã rất ngặt. Lúc ấy nếu không có Lý Tuệ, người bồi tàu nghĩa hiệp, tìm cách giúp cho tiên sinh vừa kịp thoát hiểm thì nhà cách mệnh đại danh đã phải đút tay vào cùm xích hai chục năm sớm hơn và cái biệt hiệu Sào Nam lừng lẫy đã không chiếm được những trang đầu lịch sử hải ngoại vận động.

Tháng Mười tàu đến Hoành Tân, nhà chí sĩ ta lên bờ, lại tìm đến khách sạn quen chuyến trước đã từng ở trọ.

Họ Phan sửng sốt khi chủ nhân niềm nở đón tiếp và kể chuyện cho tiên sinh biết rằng một người thiếu niên Việt Nam, ra dáng học sinh, vừa mới đến đây mấy hôm trơ trọi một mình, hiện đang ở khách sạn này. Thiếu niên dò hỏi tin tức và hành chỉ của tiên sinh một cách băn khoăn sốt ruột, dường như mong mỏi họp mặt tiên sinh càng sớm càng hay.

Phan nghe chuyện không khỏi sửng sốt, vì rằng lúc bấy giờ gọi là dấu chân người Việt Nam in trên mặt đất Phù Tang, ngoài Tăng Bạt Hổ thì đến mình và Đặng Tử Kính là bọn Đông độ (vượt bể sang Đông) đầu tiên, trong nước chưa thấy có bạn trai trẻ nào chịu xông pha sang Nhật. Chàng thiếu niên này đây hẳn là tiên phong; tự nhiên cảm tưởng chớp nhoáng của tiên sinh là sự kinh ngạc; nhất là nghe nói người đồng bào nhỏ tuổi ấy một mình một bóng mà dám mạo hiểm bỏ nước nhà đi đến một nước khác với mình xa lạ đủ cả mọi bề.

Sự kinh ngạc trong trí Phan còn tặng thêm độ lượng khi thấy người chủ khách sạn tươi cười mà nói.

- Hơn nữa, tôi nhận thấy vị thiếu niên quý quốc can đảm đến nỗi một mình trốn sang tới đây, không có hành lý gì khác hơn bộ áo cũ kỹ đang mặc trong người và xem chừng tiền bạc hộ thân cũng chẳng còn thì phải.

Cảm động, Phan khẽ thở dài, không quên nắm lấy cơ hội để khoa trương chung cả bạn trẻ nước nhà, đồng thời tìm chỗ bênh vực cái hành động quá mạo hiểm của vị thiếu niên kia, mặc dầu trong giây phút ấy chưa biết là ai:

- Ông nghĩ xem: thanh niên nước tôi đau lòng vì nỗi vong quốc, sốt ruột về việc khôi phục giang sơn thì phỏng còn có sự mạo hiểm nào mà chẳng dám làm?

- Vâng, tôi cũng nghĩ thế! - Người chủ khách sạn nắm lấy tay Phan với vẻ ân cần thành thực. Tôi thấy người can đảm đáng quý, lại nghe nói biết tiên sinh, cho nên rất sẵn lòng để chàng trú ngụ ở đây, không có một điều gì quản ngại.

Phan ngỏ lời cảm tạ ông chủ trọ đã lấy hiệp nghĩa xử với một đồng bào ta như thế.

Vừa vặn lúc thiếu niên lững thững từ ngoài cổng tiến vào hai mắt say sưa dán trên tờ Tân dân tùng bán (của Lương Khải Siêu xuất bản tại Hoành Tân1) mới mua ở ngoài phố và mua với mấy đồng xu sau chót còn dính túi.

Chủ trọ vỗ vai Phan, trỏ tay và nói:

- May mắn chưa? Vị thiếu niên đồng hương của tiên sinh đi du lãm đã về đấy!

Thiếu niên đến gần, Phan vui mừng reo lên. Thấy Phan, thiếu niên cũng thế, thêm sự kính cẩn đối với bậc danh sĩ, với nhà cách mạng tiên phong.

Ồ tưởng ai lạ lùng? Thiếu niên tức là Lương Quân Lập Nham, con cụ Cử Ôn Như Lượng Văn Can, một danh vọng to tát trong giới cách mệnh ở Thăng Long, phàm văn thân chí sĩ trong nước đã hoạt động chống thực dân không ai không biết tiếng. Mấy năm trước khi xuất dương, Sào Nam tiên sinh thường ra Bắc Hà, cốt tìm những bạn thanh khí đồng tâm, có thể cùng nhau bàn bạc đại sự. Không một chuyến nào ông Giải Phan về xứ Nghệ khét tiếng

hay chữ, lại quên ghé thăm cụ Cử Lương ở phố Hàng Đào; cũng như không một chuyến nào quên sang Bắc Ninh tìm ông Cử Nội Duệ hay là xuống Nam Định, lần mò vào nhà cụ Đốc Định Trạch để mật hội với ông Mai Sơn Nguyễn Thượng Hiền lúc ấy tuy đang ngồi ghế Đốc học Nam Định rồi đổi vào Ninh Bình, nhưng đã lập tâm chỉ đợi cơ hội là treo ấn từ quan ra ngoài hoạt động cứu quốc.

Phan đem lòng kính mộ ngay buổi hội diện đầu tiên, vì nhận thấy cả nhà cụ Cử Ôn Như, từ cha đến con đều thiết tha yêu nước và hết sức hăng hái về việc cách mệnh, không sợ tốn tiền, không ngại đổ máu. Cụ xuất tiền hàng nghìn hàng vạn (vì nhà vốn giàu) để tiếp tế phong trào Văn Thân; ba người con trai lớn là Trúc Đàm (đỗ Cử nhân), Lập Nham và Nghị Khanh (đỗ Tú tài) cùng hăng hái sấn sổ về các cuộc vận động chống thực dân, giành lại chủ quyền độc lập cho Tổ quốc.

Bởi thế, đến lúc tầm con mắt có thể nhìn rõ diện mục một người, Phan nhận ngay ra thiếu niên không phải là ai xa lạ, chính là Lương Quân Lập Nham; Thôi thì tay bắt mặt mừng, tình tứ gặp nhau ở chốn tha hương thật là khó tả. Thử thời số người Việt Nam bôn tẩu sang Nhật còn là một số rất hiếm hoi, huống chi một bạn trẻ đánh liều vượt biển với hai bàn tay trắng chỉ vì bầu máu giết thù cứu nước sôi lên sùng sục.

Với giọng nói kiên quyết rắn rỏi, xứng đáng bộ cằm vuông và cặp mắt sáng quắc, hai dấu tỏ nghị lực giàu hơn người, ông Lương Lập Nham kể tóm tắt tình cảnh mình Đông độ trải bao nguy hiểm gian nan mà ông đánh liều vượt được, chỉ có lập chí tha thiết là mong đem cánh tay và giọt máu đóng góp vào công cuộc hoạt động cứu quốc của các bậc đàn anh, hầu giải thoát cho nước nhà khỏi xiềng xích nô lệ. Những sở vọng cấp bách rung động trong óc thanh niên lúc này là sự cầu học; trước hết là binh học tân thời mà Tổ quốc đang cần dùng. Bấy lâu ta kém thua quân thù môn học ấy, không trách phải vấp ngã từ thất bại nọ đến thất bại kia.

Đó là câu chuyện, một buổi sáng mùa xuân năm 1932, ngồi trước ấm trà liên tâm ngào ngạt trong tòa nhà lá, bên dốc Nam Giao, Phan tiên sinh vui vẻ thuật cho chúng tôi nghe, đáp lại câu chúng tôi hỏi một vài kỷ niệm ban đầu giữa tiên sinh và người anh hùng khởi nghĩa Thái Nguyên.

Tiên sinh kết thúc rằng: Còn nhớ hồi bấy giờ tiên sinh mừng quá, ôm lấy Lương Quân vồn vã ngợi khen:

“Chao ôi! Nếu thanh niên nước nhà hết thảy giàu khí phách, có chí

kiên cường mạo hiểm như anh thì chúng ta sẽ có phép rút đất của Phí Trường Phòng2, để thu rút con đường giết thù phục quốc ngắn đi được bao nhiêu dặm mà nói!".

Thêm vào câu chuyện kỷ niệm ấy, chúng tôi tưởng nên trích một đoạn sách Ngục trung thư.

Còn 8 ngày nữa thì hết năm Quý Sửu (1913) họ Phan đang ở tỉnh Quảng Đông, chợt bị Đô đốc Long Tế Quang bắt hạ ngục, giam chung một xà lim với ông Mai Lão Bạng, một vị cố đạo Thiên chúa, người tỉnh Nghệ An cũng bỏ nước ra ngoài hoạt động cách mệnh bấy lâu.

Theo lời yêu cầu của Toàn quyền Đông Dương lúc đó là A.Sarraut, Long Tế Quang bắt giam nhà lãnh tụ cách mạng Việt Nam, định sẽ giao trả về Hà Nội cho người Pháp.

Vì trong nước lúc ấy có hai việc bạo động như kiểu những đảng viên cách mệnh Ái Nhĩ Lan (Irlan-de) dùng thủ đoạn khủng bố đối với người Anh. Tháng Ba năm Quý Sửu đó, Phạm Văn Tráng từ hải ngoại đem tạc đạn3 về, ném chết Tuần phủ Nguyễn Duy Hàn (Thái Bình) có tiếng là hung tinh của đảng cách mệnh. Nửa tháng sau, Nguyễn Khắc Cần mang bom ở ngoài về Hà Nội, hạ sát được hai võ quan tây là Chapuis và Montgrand ở trước tửu điếm phố Hàng Trống. Người Pháp buộc tội họ Phan chủ mưu, lập Hội đồng Đề hình4 kết án tiên sinh vào tử hình vắng mặt, nhờ Đô đốc Long Tế Quang bắt hộ và giao lại cho mình để thi hành cái án đã xử.

Vào ngục mấy hôm đầu, Phan tự nghĩ phen này mình không thoát chết, bèn cầm bút viết ra Ngục trung thư lược thuật công việc cách mệnh mình từ hồi còn nghĩa binh Phan Đình Phùng cho tới bây giờ trong có một đoạn nói về ông Lập Nham như sau đây:

"Tháng Mười năm ấy (Ất Ty, 1905) tôi đến Hoành Tân về ở nhà trọ cũ, thấy một vị thanh niên học sinh ta, Lương Quân Lập Nham, đã tới ở đó trước rồi.

Tôi xem ra người thật có khí phách hăng hái, đầu tóc còn để bờm xờm. Dò hỏi mới biết Lương Quân bỏ nhà đi trốn sang Nhật trơ trọi một thân, lúc lên đến bến thì hành nang vừa cạn, trong túi chỉ còn vẻn vẹn có ba xu, không hơn không kém.

Thấy thế tôi vừa mừng vừa chưng hửng. Vì bạn nhỏ tuổi nước ta, một thân một bóng mà dám liều mệnh xông pha sóng gió muôn trùng đến một nước thuở nay mình chưa quen biết bao giờ, Lương Quân chính là người thứ nhất vậy.

Té ra Lương Quân vốn là một thanh niên chứa sẵn kỳ khí, có hoài bão cao xa, chỉ nghe nói tôi đã sang Đông, cho nên mạnh bạo bỏ nhà ra đi, không kể gì mọi nỗi gian nan nguy hiểm.

Bạn thiếu niên anh tuấn nước ta sau đây, có mấy người được như Lương Quân?

Ông Lập Nham tên thật là Lương Ngọc Quyến, hiệu là Lập Nham, sinh năm Ất Dậu giữa năm thành Huế thất thủ, con thứ hai cụ Cử Ôn Như Lương Văn Can. Kể theo thứ tự cả con trai con gái thì ông sinh vào hàng thứ ba. Vì đó trong cách mệnh giới và anh em Đông du quen gọi ông là Ba Quyến.

Tổ quán là làng Nhị Khê thuộc huyện Thượng Phúc tỉnh Hà Nội (nay về Hà Đông), nhưng ông sinh trưởng ở nhà số 4, phố Hàng Đào, tỉnh thành Hà Nội, là nơi họ Lương kinh doanh buôn bán trải đã mấy đời.

Trước cửa nhà số 4 ấy, từ năm 1903, hai ông Sào Nam, Tây Hồ hay đi lại bàn tính quốc sự, rồi ông Lập Nham Đông du, kế đến phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục cho mãi tới khi cụ Cử Lương đi an trí ở Cao Miên trở về được mấy năm thì qua đời (1927); nghĩa là ngót ba chục năm, trước cửa nhà số 4, thực dân cho người thay phiên canh gác đêm ngày, không lúc nào quên nhãng. Vì họ biết đây là bộ tham mưu của phái Văn Thân5, là cơ quan giao thông của các chí sĩ Đông du; phàm người lui tới chỉ để bàn việc đánh đổ chủ quyền Pháp, khôi phục nền độc lập Việt Nam.

Thủa nhỏ, ông Lập Nham cũng học cử nghiệp, sớm tối mài miệt với chồng sách cũ, lo dũa vần gọt chữ để mong có ngày tranh khôi đoạt giáp như các bạn đồng thời. Lúc 15, 16 tuổi, ông đã nổi tiếng học giỏi. Đến khoa Canh Tý (1900), ông thi trường Nam, hỏng kỳ thi phú; liền đấy tư tưởng biến hóa, không thèm theo đuổi lối học từ chương khoa cử nữa.

Lúc bấy giờ, những sách cổ động dân quyền do các nhà tân học Trung Quốc dịch thuật của Tây phương, đã truyền bá sang nước ta rất nhiều. Những nghị luận cách mệnh và tư tưởng duy tân của thầy trò Khang Hữu Vy, Lương Khải Siêu, cùng các nhà ái quốc Trung Hoa mạnh bạo chủ trương đả đảo Mãn Thanh, chấn hưng Hán tộc không những làm rung động tâm não người Tàu mà thôi, làn sóng duy tân cách mệnh ấy tràn qua Nam quan hoặc vào cửa Đồ Sơn, khiến nhân tâm sĩ khí ta cũng giật mình thức tỉnh. Nhật Bản thì càng ngày càng sấn bước trên đường văn minh phú cường, ra mặt đối địch với các cường quốc làm cho thiên hạ phải kinh

ngạc kiêng nể. Ngoài tình ở Phương Đông phấn phát bồng bột là thế. Đồng thời, trong nước thì ông Phan Sào Nam đứng lên lãnh đạo công tác cách mệnh, liên lạc chí sĩ văn thân khắp nơi, lập hội "Việt Nam quang phục" sắp sửa xuất dương hoạt động.

Ông Lập Nham đọc nhiều tân thư, được nhiều tư tưởng mới kích thích giác ngộ, nhận xét tình hình thế giới và thời cục nước nhà, thấy rằng thanh niên Việt Nam lúc này phải tự cường, phải cứu quốc, không nên và cũng không thể ngồi gục đầu vào lối học hư văn hủ bại được nữa, vì chính nó đã làm cho người mình hèn, nước mình mất. Hơn nữa thanh niên Việt Nam phải mau học tập binh cơ võ bị tân thời, mới có thể đánh lại kẻ thù mà lấy lại quyền tự do độc lập cho giống nòi Tổ quốc.

Bởi vậy, chỉ thi có một khoa, ông khái nhiên bỏ đứt từ chương khoa cử, không thèm đoái hoài thương tiếc chút nào; lại khuyến khích được nhiều bạn đồng học cũng mạnh bạo làm như mình. Từ đó ngày đêm làm bạn với sách mới, trong trí không lúc nào rời ý nghĩ phấn chí tự cường, đi học cứu quốc. Kịp khi nghe Sào Nam tiên sinh đã xuất dương, ông liền hăng hái ra đi trước tiên, để làm gương cho anh em đồng trí.

Ông cử Dương Bá Trạc là một bạn thân, từ lúc còn đi học cho tới sau cùng nhau hoạt động cách mệnh, đôi bên vẫn trao đổi thanh khí tin tức, không bao giờ gián đoạn. Cho nên việc ông Lập Nham Đông du ban đầu thế nào, họ Dương biết rõ hơn cả.

Mấy năm trước đây, Dương tiên sinh có viết một tập ký ức lục, kể chuyện sinh bình trong cuộc vận động cách mệnh mình đã cộng sự với những ai. Dưới đây là đoạn tác giả kể lại thiếu thời của người chủ mưu khởi nghĩa Thái Nguyên và tình hình lúc bỏ nước trốn sang Nhật cầu học.

Bạn Lương Lập Nham là con thứ hai của cụ Cử Nhị Khê, thông minh từ nhỏ. Hồi 15, 16 tuổi đã có tiếng học giỏi; sau thi trường hương Nam Định khoa Canh Tý, bạn vì xuất vận bài phú mà bị hỏng, nếu không thì cũng đỗ khoa thi ấy cùng với tôi.

Đến năm Quý Mão (1903), chúng tôi đã lấy tân tư tưởng, tân học thuật khuyến khích lẫn nhau, nên chỉ bạn nhất quyết bài xích khoa cử hủ bại, không thèm thi nữa.

Năm sau, có việc Phan Sào Nam Đông du, bạn cùng cụ Cử và anh ruột là Trúc Đàm, đều phụ lực với chúng tôi vận động thành tựu việc ấy. Sau ông Sào Nam ở Nhật về nước, cùng anh em quyết định

việc đưa ông Kỳ Ngoại hầu Cường Để[6] đi và phái thanh niên học sinh sang Nhật cầu học. Lúc ấy bạn 19 tuổi đã có vợ con, lại là con nhà giàu, vốn sống trong cảnh phong lưu sung sướng; không ai tưởng rằng bạn có thể đoạn tuyệt nhất thiết mà đi xuất dương khổ học cho được? Thế mà bạn nghị nhiên thủ xướng, mạnh bạo ra đi trước nhất một mình để làm gương cho người sau.

Bình nhật bạn thường nói luôn với anh em:

Kìa Đại Bỉ Đắc[7] là vua nước Nga còn vứt bỏ phú quý tôn vinh mà đi làm thợ ở nước ngoài để học lấy kỹ thuật cường quốc, huống chi là mình! Lại coi Nhật Bản duy tân tự cường được như bây giờ, cũng là nhờ có mấy tay như Y Đằng Bác Văn, như Bản Viên Thoái Trợ... lẩn lút trốn ra ngoài, học lấy thành tài, trở về giúp nước, Nhật Bản mới được như thế. Tôi xin làm tên tốt đầu của đội quân xuất dương khổ học, đi trước anh em!

Thế là bạn quả quyết bái biệt cha mẹ, làm giấy rẫy vợ cho cải giá, lìa bỏ đứa con gái còn non tuổi mà đi.

Lúc bạn ra đi, chúng tôi đã xếp đặt có người tâm phúc làm việc ở một chiếc tàu từ Hải Phòng đi Hương Cảng, tức là người đã đưa Sào Nam và Kỳ Ngoại hầu đi được hai chuyến an toàn trót lọt.

Nhưng bạn lo việc lâu dài, bàn tính với tôi:

- Việc đi học còn cần phải nhiều người kế tiếp xuất dương, nay mình mới có một chiếc tàu mượn làm đi được thế này, vạn nhất tiết lậu, nghẽn mất đường ấy thì sao? Mình phải lo mở ra nhiều con đường khác cho người đi sau mới được chứ!

Nghe bạn nói phải, tôi sực nhớ đến ông Tăng Bạt Hổ đi Nhật chuyến trước, theo con đường Móng Cái sang đất Trung Hoa rồi đáp tàu đi được vô sự. Tôi liền tính kế đưa bạn Lập Nham đi theo đường ấy. Nhân dịp tìm nơi trú ẩn ở Móng Cái, ở Đông Hưng và ở Bắc Hải, cho có người dung nạp hướng dẫn mình chắc chắn, hầu sau này có cần được nhiều người đi một chuyến thì đường này tiện hơn. Đường tàu thủy Hải Phòng Hương Cảng tuy có tay trong tâm phúc và nếu còn đi được, mỗi chuyến chỉ ba, bốn người là cùng mà cũng chưa chắc là giữ chót lọt được mãi. Tính thế rồi tôi cùng đi với bạn.

Chúng tôi đã định kỳ với nhau trước: ngày 14 tháng Tám năm Ất Tỵ (1905) bạn thu xếp hành lý từ Hà Nội đi về Mễ là quê quán tôi, để cùng lên Gia Lâm đáp xe lửa đêm đi Hải Phòng. Bạn đi bộ suốt từ Hà Nội về quê nhà tôi, khởi hành 4 giờ đêm đến 9 giờ sáng tới

nơi. Chúng tôi ăn cơm sáng xong, chuyện vãn một hồi, lại dắt nhau kéo bộ từ Mễ lên Gia Lâm vừa đúng 9 giờ tối để kịp đi chuyến xe lửa đi Hải Phòng 11 giờ đêm.

Thời đại ấy anh em chúng tôi bảo nhau luyện tập sự sống rất là khắc khổ. Phàm là anh em trong đảng, đều cấm tuyệt uống rượu, hút thuốc phiện, đi hát, cờ bạc. Ngày nào cũng phải tập thể thao lấy sức, tập đi bộ cho quen. Chúng tôi luyện tập lâu ngày thành quen, cho nên đi bộ xa đến thế nào cũng không hề thấy mỏi mệt.

Về chuyện cấm chỉ này có mấy câu chuyện buồn cười, mà tỏ ra quy luật của đảng cực nghiêm và cái nhiệt thành ái quốc của anh em lúc bấy giờ kể thật mạnh mẽ. Bạn Lê Đại và bạn Võ Hoành là hai tướng rượu có tiếng xưa nay; một hôm rủ nhau đi ăn đám giỗ ở nhà bà con, mâm cỗ linh đình, bao nhiêu khách dự tiệc tha hồ chén tạc chén thù đến say túy lúy. Hai tướng rượu ta trông thấy nhắm ngon rượu sẵn đến nỗi người ta say khướt cả, mình thèm uống thật nhỏ rãi, mà cỗ giữ, đảng cấm nhất định không nhấp một giọt nào. Những người ngồi gần biết ý, trông thấy hai bạn thủ giới mà động lòng thương hại.

Lại bạn Hoàng Tăng Bi và Bạn Lương Trúc Đàm, vốn người sinh trưởng phú quý, thuở nhỏ đến giờ không biết đi bộ là cái gì, nay phải tập đi bộ, mấy lần đầu, sưng chân, toét cả mấy ngón; thế mà nay tập, mai tập mãi, sau cũng đi bộ được một hơi từ Hà Nội về tới Canh, tới Diễn.

Bạn Phạm Danh Chánh, cháu cụ Hoàng Giáp Tam Đăng, thuở nhỏ vốn giang hồ phóng lãng, kết giao với bọn lục lâm nhiều thành ra mắc bệnh nghiện a phiến. Khi ấy bạn chịu để anh em trong đảng giam mình ở một gác xép hiệu Đồng Lợi Tế, khóa trái cửa lại, chỉ để cái bô đại, tiểu tiện trong đó và mỗi bữa ăn thì có người đưa cơm nước vào cho. Tha hồ vật vã đủ tình đủ tội, tha hồ kêu gào đập phá, nhất định không ai đoái hoài hay thương xót mở cửa cho ra. Vậy mà qua hết chín ngày, bạn Phạm Danh Chánh chừa được á phiện như thường, khỏe mạnh chẳng sao cả.

Chính bạn Lập Nham lúc trước cũng là tay chơi khét tiếng ở các xóm hồng lâu Hàng Giấy, Thái Hà, thế rồi phấn phát tự cường tuân theo đảng cấm, nhất đán thôi hẳn. Từ đấy, bạn coi các nàng tiên dửng dưng như một người ái nam vô tình, rồi đến nhẫn lao nại khổ mà đi chuyến này.

Mà đi chuyến này kể cũng là nhẫn lao lại khổ thật.

Khuya tới Hải Phòng, vì có ý muốn hà tiện để dành tiền ra ngoài tiêu, chúng tôi không vào trọ ở lữ quán. Nhân tôi quen biết người làm tri huyện Hải An ở gần kế Hải Phòng, chúng tôi bèn giả vờ làm thầy trò; tôi làm thầy, bạn Lập Nham xách va ly làm trò, vào huyện ngủ nhờ. Cơm nước cả ngày hôm sau ở đó để đợi kỳ tàu, vì tàu Móng Cái lúc bấy giờ mỗi tuần chỉ có hai chuyến. Tôi nói ra ngoài mỏ và đi vịnh Hạ Long chơi lại nã anh cu huyện ta được thêm chục bạc phụ vào hành tẩu cho bạn Lập Nham.

Trưa hôm 16, chúng tôi xuống tàu ra Móng Cái.

Nguyên khi ở Hà Nội, tôi có quen Đào Quang Tích, học trường Hậu Bổ vốn là con ông Lãnh Binh đã làm quản đạo Móng Cái về hưu. Bấy giờ tôi hỏi thăm vô nhà ông Lãnh Đào. Vô đó, tôi lân la kể chuyện kết giao với Hậu Tích ở Hà Nội, vẫn được nghe tiếng ông Lãnh là con cái gia thế, cùng những công việc ông làm ngày trước do bạn Hậu Tích thuật cho nghe. Tôi nói rành mạch đâu ra đấy không sai tý nào, nên ông cụ tin yêu hết sức.

Ở được ít lâu, tôi cùng ông chuyện vãn, dần dà biết ông cũng là người có bụng tốt với nước nhà, chúng tôi bèn thổ lộ tâm sự. Ông rất đồng ý, hứa sẽ giúp vào công việc. Ông nói:

- Tôi ở đây cũng có chút ít thế lực; người Pháp cũng tin cậy mà người Tàu bên Đông Hưng thì phần nhiều đi lại quen thuộc với tôi. Vậy các ông có thể đưa anh em đi qua lối này, tôi xin bao bọc cho được, rồi giới thiệu với người ở bên Đông Hưng họ đưa đường dẫn lối, dò hỏi tin tức tàu thuyền cho mình đi an toàn, không xảy ra có điều gì quản ngại.

Hôm sau ông dẫn chúng tôi sang chơi người đoàn trưởng bên Đông Hưng, tỏ hết câu chuyện với người ấy, nhờ hẳn hoi hộ kỳ tàu ở Bắc Hải đi Hương Cảng cho đúng, rồi thuê dùm một người tin cẩn dẫn lộ đi Bắc Hải để kịp xuống tàu. Người đoàn trưởng vốn là thủ hạ ông, nên ông có thể nói thẳng ngay vào chuyện, không e ngại gì. Anh ta cũng kính vâng lời, lại nói với ông để chúng tôi ở chơi luôn trong nhà cho khỏi bị người Pháp ngờ vực dòm ngó. Ông khen phải, rồi bảo tôi: "Các ông nên ở luôn đây mà đợi tàu, đừng về bên kia nữa. Tôi sẽ cho thằng Ba (tức là con ông, em Hậu Tích), đưa hành lý sang cho, rồi nó ở chơi bên này để thay tôi mà tiễn chân các ông đi Bắc Hải."

Cách sáu hôm sau thì có tàu ghé Bắc Hải đi Hương Cảng.

Trước một ngày, người đoàn trưởng phái một tên thủ hạ đưa

chúng tôi đi Bắc Hải. Đường phải qua một quãng rất khó khăn, nhỏ hẹp, vừa hai người chen chân mà gồ ghề, khúc khuỷu, đi cực vất vả. Tối mịt đến Bắc Hải. Đã có thư người đoàn trưởng giới thiệu chúng tôi với chủ hiệu Long Hải ở Bắc Hải rất ân cần. Ông này tiếp thư niềm nở mời chúng tôi lên lầu tắm rửa xong, đãi ăn uống hết sức tử tế.

Trong khi đàm đạo, chúng tôi ngỏ ý nhờ ông cho trú ngụ mỗi khi có người đi ra ngoài, đến đây chờ tàu. Ông vui vẻ nhận lời ngay.

Cùng đi với chúng tôi đến đây, có cả cậu Ba, con ông Lãnh Đào. Cậu cũng khẳng khái, hứa với tôi hễ sau này có người đi, tôi không cần phải ra, đã có cậu trông nom mọi việc chu tất. Thế là chúng tôi thành công được một việc, là mở một con đường xuất dương chắc chắn yên ổn; đâu đấy đều có người sở tại sẵn lòng giúp đỡ mình.

Tối hôm sau là giờ bạn Lập Nham xuống tàu đi Hương Cảng.

Suốt ngày hôm ấy, chúng tôi bàn nói dặn dò nhau hết chuyện này qua chuyện khác. Những chuyện về sau chúng tôi mở nghĩa thục, lập hội buôn, cho đến chuyện tìm nơi căn cứ chiêu mộ quân sĩ, tập rèn võ nghệ, và những kế hoạch dự định rằng bạn Lập Nham vào trường quân bị ở Nhật học tốt nghiệp rồi về thực nghiệm chiến thuật trên trận địa Tàu; nhất nhất chúng tôi có dự bàn với nhau trong lúc sắp sửa chia tay đó.

Sau ít lâu, tôi tiếp được thư bạn cho biết ra tới Hương Cảng ngày mồng 2 tháng 9; đến mồng 5 đáp tàu sang Hoành Tân, ngày 14 tới nơi, ở lại mấy tuần mới đi Đông Kinh, đã gặp Kỳ Ngoại hầu và Sào Nam dẫn đến yết kiến các ông Đại Ôi bá tước, Khuyển Dưỡng Nghị và Bá Nguyên Phương...

Ông Lập Nham còn trọ ở Hoành Tân thì gặp Sào Nam tiên sinh từ nước nhà trở sang chuyến thứ hai, như một đoạn trong Ngục trung thư tiên sinh đã viết.

Chúng tôi muốn trích lục cả đoạn văn dài trong tập ký ức của ông cử Dương Bá Trạc không những để tỏ ra cái chí khổ học cứu quốc của người anh hùng trong truyện này, một chốc bỏ hẳn cuộc đời sung sướng đoàn viên đứng ra phất cờ tiên phong cho anh em đồng thời; nhân dịp ta lại được biết cả tinh thần thao luyện khắc khổ của phái nhà nho 40 năm về trước, chỉ vì hoài bão giải thoát nòi giống, khôi phục non sông.

Hơn nữa, ta biết người đời bấy giờ dụng công mở ra con đường Móng Cái – Đông Hưng cho các bạn đi sau được rộng thêm một lối

xuất dương hoạt động cách mệnh. Sự mở đường ấy hình như không có nghĩa gì với những người hai ba mươi năm về sau có thể bưng mắt bọn thám tử mà vượt qua biên giới như đi chợ, cho đến sang Nga, sang Mỹ cũng là chuyện tầm thường. Nhưng ta đặt mình vào địa vị nhà nho lúc mới bước sang thế kỷ hiện tại, ta mới nhận thấy là một vấn đề không phải dễ dàng như ai nấy tưởng tượng.

II

THỰC NGHIỆM BINH HỌC TRÊN TRẬN ĐỊA NƯỚC TÀU

Ban đầu, Sào Nam tiên sinh xuất dương cốt có mục đích cầu viện khí giới ở Trung Quốc hay ở Nhật Bản, làm như Thân Bao Tư nước Sở ngày trước sang khóc ở Tần đình8 xin viện binh về khôi phục Tổ quốc vậy.

Song việc giao thiệp ở đâu cũng không được như nguyện. Tuy vậy, Phan ra ngoài xem xét tình thế thiên hạ, trở lại nhận rõ dân trí nước mình còn thấp thỏi, mà nhân tài mọi bề thiếu thốn, không có; chừng đó Phan tự ăn năn việc mình lo toan từ trước là nông nổi chỉ bo bo về vấn đề quân giới, nào có phải đó là cái kế độc nhất vô nhị để mưu tính công cuộc độc lập cho nước nhà đâu.

Một hôm, Phan đến nhà chí sĩ Trung Quốc là Lương Khải Siêu lúc ấy cũng là nhà cách mệnh đi trốn sự khủng bố của quan lại Mãn Thanh, sang ở Hoành Tân xuất bản tờ Tân dân tùng báo. Trong lúc bút đàm, Lương thành thực tỏ bày ý kiến:

- Cái kế hoạch độc lập của quý quốc, nhất thiết phải trông cậy ở thực lực mình trước hết.

- Thực lực một nước, hệ trọng hơn cả, không gì cho bằng nhân tài. Vậy tôi tính kế cho quý quốc bây giờ, cần nhất là phải gắng công ra sức vun trồng nhân tài. Hễ nhân tài có đủ, thì chỉ đợi thời cơ đưa đến là ta làm được đại sự.

Phan đang băn khoăn lo nghĩ về vấn đề nhân tài, nay được nghe ý kiến họ Lương, càng thấy dưỡng dục nhân tài là việc khẩn thiết, bèn gác chuyện mưu tính quân giới mà kinh doanh việc cổ động thanh niên xuất dương cầu học đã.

Bởi đó, khi trở sang Hoành Tân trông thấy ông Lập Nham đã tự động bỏ nước, bỏ nhà đi sang cầu học tiên phong, họ Phan vui mừng vô hạn.

Chính ông Lập Nham khi đã lên Đông Kinh, một mặt lo học Nhật ngữ để sửa soạn vào trường, một mặt gửi thư về nước thúc giục đồng chí mau mau lựa chọn thanh niên phái sang cho đông.

Tiếp được thư ông thôi thúc, đồng chí trong nước lật đật phái người ra. Em ruột ông là Nghị Khanh đã thi đỗ Tú tài, lập tức lên đường. Đồng thời, những học trò cụ Cử Nhị Khê như ông Nguyễn Thái Bạt, Nguyễn Điền, Võ Mẫn Kiến, Nguyễn Cẩm Giàng (Hải Thần), Nguyễn Xuân Mai, Bùi Như Uyên; trong Nghệ Tĩnh thì bọn Đặng Thúc Hứa, Phan Đình Cừ (con cụ Phan Đình Phùng) ngay cuối năm Ất Tỵ qua đầu năm Bính Ngọ (1906) lục tục Đông du rất nhiều. Nam Việt cũng phái đi hàng mấy chục người: ông Trần Chánh Chiếu tục danh Gilbert Chiếu đứng đầu hội Minh Tân kháng Pháp ở Nam Việt, cũng phái hai người con đi vào lúc ấy.

Trong lúc chờ đợi thanh niên trong nước lục tục đến nơi, đầu năm 1906, Sào Nam tiên sinh bắt đầu thu xếp cho mấy anh em đã sang trước. Ba ông Lập Nham, Trần Hữu Công, Nguyễn Điển vào trong Chấn Võ học hiệu tại Đông Kinh do Phước Đảo Trung tướng làm giám đốc để nghiên cứu binh học; ông Nghị Khanh thì học ở Đồng Văn thư viện, nghiên cứu về chính trị, kinh tế. Đông du học sinh trước nhất là bốn người ấy.

Những người sang sau vào học trường Chấn Võ cũng nhiều. Thanh niên Việt Nam sát cánh với học sinh Trung Quốc.

Ông Cường Để sang được mấy tháng cũng học Chấn Võ học hiệu vì thử thời ông mới ngoài 20 tuổi, cũng là một thanh niên cường tráng. Nhưng ông thú thật là mình ham đọc sách hơn là học võ; đến nỗi lơ đễnh bài học nhà trường, điểm số tuần nào cũng kém; lại không kham nổi những sự luyện tập nặng nề vất vả, cho nên chỉ theo đuổi được có năm tháng rồi phát ốm vào nằm nhà thương và bỏ Chấn Võ học hiệu đi học trường khác.

Trong vòng 2 năm, 1906-1907, hàng trăm học sinh ta lưu học các trường bên Nhật được các đồng chí và các nhà hằng tâm hằng sản[9] trong nước chung góp nhau, tiếp tế cho anh em rất đầy đủ, mặc dù tình thế ngày càng khó khăn. Sự thật, thực dân tìm đủ mọi cách thọc gậy vào bánh xe giao thông tin tức và giúp đỡ tiền bạc giữa người trong nước và phái Đông du.

Ví dụ Đông Kinh Nghĩa Thục như chúng tôi đã nói vừa là trường học, vừa là cơ quan làm tiền gửi ra cho phái Đông du hàng nghìn, hàng vạn luôn luôn. Chưa kể vô số tư gia khắp Trung, Bắc sẵn lòng quyên trợ, nhất là các nhà triệu phú trong Nam Việt. Nhờ thế mà Sào Nam tiên sinh đóng vai bộ trưởng tài chính của phái Đông du hồi bấy giờ, không những lo liệu chu toàn cho anh em học sinh, lại có thể thời thường mua bom, mua súng gửi về giúp Đề Thám cùng những chiến sĩ ở nhà vẫn kế tiếp bạo động.

Đùng đến tháng hai năm Mậu Thân (đầu năm 1908) bà con ta tan tác mỗi người một nơi như ong vỡ tổ.

Vang bóng của phái Đông du lúc bấy giờ về trong nước rất lớn. Nội cái danh vọng Sào Nam tiên sinh với những bài văn cổ động cách mệnh của tiên sinh cũng đủ làm cho lòng người phừng phừng nổi lên như thiêu như đốt.

Thật thế, văn chương tuyên truyền của tiên sinh viết từ Đông Kinh gửi về nước như Hải ngoại thuyết thư, như Việt Nam vong quốc sử, như Khuyến thanh niên du học và nhiều khúc hát ái quốc, vần thơ bi tráng, nhất thời kích thích nhân tâm rộn rực lạ thường. Mặc kệ thực dân cấm và bọn quan lại tẩu cẩu ra sức dòm hành, đe nẹt, người ta vẫn sao chép bằng giấy mực hay trong trí nhớ, ngâm nga truyền tụng khắp kẻ chợ nhà quê, xui giục ai nấy tự động lòng yêu nước, ghét thù không thể nào át được.

Rồi thì bao nhiêu thanh niên tuấn tú, có thể bỏ nhà bỏ nước ra đi, là họ đi ngay; sang Tàu, sang Nhật, sang Xiêm, để cầu lấy sự học tự do, để gặp các bạn đồng tâm đã đi từ trước, cùng nhau mưu toan, cùng nhau hoạt động công việc khôi phục Tổ quốc.

Còn những người hữu tâm ở trong nước, gồm đủ tầng lớp xã hội, luôn luôn âm mưu phấn đấu, chống lại đô hộ, hết phong trào nọ đến sự biến kia.

Người Pháp nhận thấy Đông Kinh Nghĩa Thục rộn miền Bắc từ vụ đầu độc trại lính tây ở Hà Nội có liên lạc với Đề Thám hiện đang xưng hùng ở Yên Thế, cho tới phong trào biểu tình kháng thuế ở Quảng Nam và nhiều tỉnh Trung Việt, nhất nhất có ảnh hưởng của phái Đông du bên trong, cho nên quyết tìm cách trừ diệt cho bằng được.

Đầu năm Mậu Thân, họ ký hiệp ước kinh tế với Nhật, để cho hàng hóa Nhật sang bán ở nước Pháp cùng các thuộc địa Pháp đều được hưởng quan thuế tối huệ, nghĩa là đánh thuế nhập cảng nhẹ hơn

lệ thường. Có điều, ăn đào phải trả lại mận; Pháp yêu cầu Nhật giải tán học sinh đoàn và đuổi hết đảng viên cách mệnh Việt Nam hiện đang trú ngụ hoạt động bên Nhật.

Lạ gì trò đời, miễn có lợi cho mình là hơn, tình nghĩa bà con thân tộc còn có thể đạp xuống bàn chân, huống chi nước này đối với nước khác.

Lúc ấy Nhật đương mở mang công nghệ chế tạo, cần có nhiều chỗ tiêu thụ để mưu lợi cho dân nước mình là điều thiết yếu, có đếm xỉa gì đến số người Việt Nam quèn kia nương náu trong đất nước họ. Bởi thế, sau khi kí hiệp ước kinh tế với Pháp rồi, Chính phủ Nhật liền hạ lệnh trục xuất tất cả đảng viên cách mệnh và học sinh Việt Nam, hẹn trong 48 giờ đồng hồ phải ra khỏi đất Nhật.

Cố nhiên hai ông chóp bu là Sào Nam và Cường Để phải xéo trước hơn mọi người. Hai ông lập tức xuống tàu trở về Trung Quốc.

Rồi đến học sinh, nhiều người phẫn uất thái độ giở mặt của Nhật cũng bỏ sang Tàu, sang Xiêm, hoặc trở về nước. Còn những người vẫn muốn ở lại học thì cũng phải làm bộ thu xếp hành lý ra trường, để che mắt thế gian, rồi, trong vài ba hôm quay trở lại với căn cước khác.

Ấy là đổi làm người Tàu. Mấy chính khách Nhật giao thiệp với sứ quán Trung Hoa hộ ta, thay đổi giấy tờ chứng nhận quốc tịch Trung Hoa. Xong rồi, anh em trở về trường học như thường.

Giờ là học sinh Tàu chứ không phải học sinh Việt Nam nữa.

Ông Lập Nham với Nghị Khanh, em ruột ông, cùng mấy người học trò cụ Cử Nhị Khê, đều ở trong đám lộn sòng quốc tịch Trung Hoa cho được lưu học tới khi tốt nghiệp.

Vì công phu học tập đang tấn tới, phải bỏ dở dang thì tiếc.

Đến năm 1911, ông Lập Nham thi tốt nghiệp đỗ đầu, được ban giám khảo khen ngợi. Đường Kế Nghiêu sau này là Đô đốc Vân Nam, oai quyền lừng lẫy, là bạn đồng học và cùng thi ra với ông cùng một khoa ấy. Chỉ khác nhau ở quê hương với thời thế, mà về sau một người có đất dụng võ, một người không.

Liền đấy, ông từ giã đất Nhật mà đi Quảng Đông, nơi đã cho ông đội lốt quán tịch cho trọn học nghiệp.

Sự thật, ông cốt về Tàu để mượn chỗ thực nghiệm binh học tân

thời đã được hấp thụ ở một trường quân bị Nhật. Vừa gặp thời cơ thuận tiện là cuộc Đại cách mệnh ở nước Tàu thành công, nền dân chủ cộng hòa mới xây dựng, chính là lúc cần dùng nhân tài, nhất là những người có học về quân sự.

Ông vốn đã nhận quốc tịch Tàu, lại quen biết nhiều đảng viên cách mệnh Tàu khi họ còn bôn đào bên Nhật; nay họ đã về nước nhận lãnh trách nhiệm dựng lại quốc gia, tự nhiên lưỡi gươm anh hùng chẳng lo không có một hòn đá mài thử.

Với thư giới thiệu trân trọng của một yếu nhân cách mệnh, ông đến yết kiến Hồ Hán Dân, lúc ấy giữ chức trọng yếu Quảng Đông Đô đốc.

Hồ niềm nở tiếp đãi, hỏi han sở học, rồi tức khắc bổ ngay ông làm chức Đại úy, chỉ huy một cánh quân hơn một nghìn người chuyên việc diệt trừ thổ phỉ đã thừa lúc quốc gia hữu sự nổi lên hoành hành khắp vùng Nam Đường, Tam Thủy.

Ngót một năm xông pha hiểm trở, vào tận sào huyệt thổ phỉ, trải lắm trận kịch chiến đến tính mệnh cơ nguy, lập nên nhiều chiến công bắt sống quân giặc vô số, được viên Tổng tư lệnh đạo binh tiễu phỉ khen ngợi và tư về phủ Đại Đô đốc, xin kỷ công thăng chức cho ông. Nhưng điều nguyện vọng tha thiết trong trí ông chẳng phải ở chỗ được kỷ công thăng chức, chỉ được cầm binh xuất trận như thế cho được thực nghiệm và nghiên cứu về địa hình, về trận thế, về kỹ thuật tác chiến, để một mai trở về dun dủi10 với quân cường địch trên đất nước nhà kia. Sở vọng của ông chăm chăm ở đấy. Một người Việt Nam đã chịu giáo hóa Võ sĩ đạo và tốt nghiệp đầu bảng một trường quân bị ở Đông Kinh, cốt mong có ngày được chạm sắt với quân thù, hiệu lực vì Tổ quốc.

Không bao lâu, Hồ Hán Dân từ chức Quảng Đông Đại Đô đốc; thời cục lại xoay đổi.

Ông Lập Nham cũng từ giã Quảng Đông lên Bảo Định, vào học trường Quân quân được mấy tháng, nhận thấy chương trình đã học bên Nhật cả rồi, liền bỏ trường Bảo Định mà đi Võ Xương.

Lúc bấy giờ Lê Nguyên Hồng đang tổ chức lại quân đội cách mệnh, cần thu dụng nhiều nhân tài từng được huấn luyện binh học ở ngoại quốc về; vì hạng người ấy còn là số hiếm ở Trung Quốc đương thời, dù có bao nhiêu cũng vẫn chưa đủ cho sự cần dùng của Chính phủ cách mệnh.

Vẫn nhận mình là người dân Trung Hoa, thêm vào huân công đã

thu được ở Nam Đường, Tam Thủy, ông Lập Nham được Lê Nguyên Hồng bổ chức Thiếu tá, coi một Lữ đoàn Lục quân.

Thế là ông lại được dịp thực nghiệm sở học trong một thời gian nữa.

Kể ra hồi ấy có nhiều đồng bào Việt Nam xung vào hàng ngũ chiến sĩ cách mệnh Tàu, không phải chỉ có một mình ông, nhưng tất cả đều thành thật nhìn nhận ông là tay lỗi lạc hơn cả.

III

CUỘC MẬT HỘI Ở LONG XUYÊN

Ông và những bạn Việt Nam đồng thời, từng có giáo dục quân sự như ông, sở dĩ hăm hở đem cánh tay khỏi óc và sự học vấn binh nhung của mình ra tận trung hiệu lực ở chốn cương trường Trung Hoa, không phải vì sự sống bắt buộc, hay cầu lấy danh vọng gì đâu. Kỳ thật chỉ vì ôm ấp hai điều mong muốn.

Một là được thực nghiệm sở học, như trên đã nói. Có học mà không được thực hành, không được kinh nghiệm, một khi cờ phất đến tay, chẳng khỏi bỡ ngỡ. Bởi vậy, các ông muốn nhờ trận địa Trung Hoa làm chỗ tập rèn thực tế cho thật tinh thục, hầu có một mai về đất nước nhà, thao luyện anh em xung sát với thực dân là quân cường địch tử thù của mình, mới khỏi những điều thất thố. Chỗ dụng tâm của các ông thật xa mà cũng thật khổ vậy.

Hai là muốn đem máu mình đổi lấy cho Tổ quốc sự cứu giúp của Trung Hoa đối với bà con. Điều mong mỏi ấy tuy quá tin cậy vào tình cảm, nhưng mà thâm vọng của phần nhiều chí sĩ Đông du ba, bốn chục năm trước thật là như thế.

Nó phát ra tự cái kiến giải này, duy tâm mà cũng có duy vật. Hai dân tộc Hoa, Việt ở kề lưng sát nách nhau trên góc Đông Á này, trải bốn nghìn năm liên lạc khăng khít về chủng tộc, về văn hóa, về lịch sử, về phong tục lễ nghĩa, đến nỗi Việt Nam như là một phần Trung Quốc chia ra, mà sự thực cũng quả như vậy. Một khi Trung Quốc cách mạng thành công, chẳng lẽ không đến người hàng xóm miền Nam; hơn nữa, người bà con, em út, đang bị xiềng xích nô lệ mà không ra tay tháo gỡ cứu giúp cho nhau?

Thử xem bể Đại Tây cách trở mênh mông. Thế mà cuối thế kỷ có

người hiệp sĩ Pháp là Lafayette đứng lên mộ hàng nghìn chiến sĩ, sang tận Mỹ châu giúp sức cho Hoa Thịnh Đốn11 đánh đuổi quân Anh.

Xây dựng Mỹ quốc độc lập. Ấy là một giai thoại anh hùng, thế giới đều biết. Báo đáp cái nghĩa cử ấy, trong trận Âu chiến 1914-1918, trước khi Mỹ quốc gia nhập đồng minh, đã có vô số người Mỹ tự nguyện đầu quân sang đánh giúp Pháp; họ đến viếng mộ Lafayette đặt vòng hoa và nói câu vắn tắt thâm tình này: "Chúng tôi đã đến đây, Lafayette!" (Nous voici, Lafayette!)

Các chí sĩ Đông du nhà ta, nhất là những người đã tốt nghiệp quân sự như ông Lập Nham, người có tài cao thì cầm quân như ông, kẻ có sức khỏe thì đăng lính khá nhiều, hoặc biết chữ thì sung vào việc bí thư trong quân đội; ai nấy sốt sắng đóng góp chút ít hơi sức vào buổi đầu Trung Hoa cách mệnh là trông cho đào trả mận sẽ thấy một ngày rất gần có những hiệp sĩ Trung Hoa vác súng qua đây mà nói:

"Chúng tôi đã đến đây, hỡi bạn Việt Nam!"

Huống chi, môi hở răng lạnh, Việt Nam bị Pháp chiếm cứ tức là các tỉnh Vân, Quảng nước Tàu luôn luôn bị dòm ngó, uy hiếp. Trái lại, Việt Nam độc lập tức là hàng rào miền nam Trung Quốc được kín đáo, chắc chắn; thế thì Trung Quốc giúp Việt Nam được giải phóng cũng là một việc tự cứu vậy.

Ấy trong ba năm 1911, 1912, và 1913, ông Lập Nham phục dịch trong quân đội Trung Hoa, là cốt vì tiền đồ Tổ quốc, chứ không phải vì mình. Những chiến sĩ cách mệnh như ông chẳng phải cầu lấy vinh dự đóng quan ba, quan tư bên Tàu, hòng sau về nước huyễn diệu khoe khoang với bà con; ví như lắm bạn thanh niên sau này được học qua năm, bảy tháng hay một hay năm ở trường võ bị Hoàng Phố, rồi khi về gặp ai cũng tự phô trương: ta là cựu học sinh Hoàng Phố đây!

Nhưng rồi ông chán chường thất vọng, bởi thấy nội tình Trung Hoa rối bét, mình chẳng trông mong gì được. Điều tin cậy chất chứa trong tâm não ông và các bạn đồng chí, lúc trước nồng nàn bao nhiêu, bấy giờ nguội lạnh đi bấy nhiêu.

Nội tình Trung Hoa lúc này thật nát bét như tương. Quần hùng, cát cứ, nam bắc phân tranh, cảnh tao loạn không khác gì thời đại Xuân Thu Chiến Quốc. Tiếng là chính thể Cộng Hòa, có Tổng thống, có Quốc hội, nhưng Tổng thống, Quốc hội chỉ ngồi hư vị,

ôm hư danh, hiệu lệnh chẳng thi hành với ai được. Trung ương tập quyền biến ra địa bàn chuyên chế. Mỗi vị đốc quân có mấy chục vạn quân trong tay, chiếm giữ một vài tỉnh làm chủ: thu thuế, bổ quan, trị dân, xử kiện, tha hồ làm mưa làm gió, tác oai tác phước, không thuộc quyền Trung ương, mà Trung ương cũng chẳng làm gì được họ. Đã thế, họ lại còn sinh sự nội chiến, khói lửa tứ tung, làm cho đời sống của dân điêu đứng khổ sở vô cùng.

Thấy nội tình Trung Hoa như thế, ông Lập Nham sinh chán, vì mình phục dịch hy sinh, là cốt mong họ trả lại nước ta bằng sự giúp đỡ, nay bản thân họ xem ra tự cứu không xong, còn cứu giúp được ai?

Thôi chẳng trông cậy được người, vận mệnh mình, tự mình phải lo lấy, cứ việc kiệt tận nhân lực với Tổ quốc đồng bào, dù chết cũng cam.

Ông bèn từ chức ở Hán Khẩu, trở về Quảng Châu, tìm kiếm đồng chí Việt Nam đã lập thành cơ sở ở đó, chính do Sào Nam tiên sinh phụ trách.

Không ngờ cơ quan đã bị phá vỡ, do cuộc giao thiệp không khéo của toàn quyền Sarraut với Long Tế Quang, Đô đốc Quảng Đông lúc ấy. Nguyên nhân tự hai vụ ném bom ở Thái Bình và Hà Nội mùa hạ năm 1913 mà thủ phạm đều là người ở ngoài phái về. Long Tế Quang vừa được hối lộ nhiều, vừa sợ Pháp uy hiếp, liền hạ lệnh giải tán cơ quan cách mệnh Việt Nam tại Quảng Châu, và bắt giam những tay trọng yếu. Vì thế, trước đó tám ngày, hai ông Sào Nam và Mai Lão Bạng bị tống giam vào ngục tối; nỗi lo họ Long giao trả về Đông Dương cho người Pháp kết án luận tội, lúc nào cũng ngơm ngớp như có lưỡi gươm kề cổ. Còn các đồng chí thì tan tác mỗi người một nơi tìm phương đào thoát.

Phần lớn chạy về Quế Lâm, thủ phủ Quảng Tây giáp giới đất nhà.

Ông Lập Nham cũng đi Quế Lâm và Nam Ninh tìm gặp đồng chí để mưu hành động. Lúc này việc lớn có cơ làm được. Cuộc diện Âu châu bắt đầu sôi nổi. Đức ngầm tổng động viên, sắp sửa đánh Pháp đến nơi.

Đồng chí ta ở Quế Lâm đọc báo thấy tin Âu châu như thế, nhận là cơ hội khả thừa cho Tổ quốc. Các ông bàn định nhau kinh doanh một số tiền to, phần mua phần mượn khí giới của các đảng cách mệnh Tàu, mộ dân Tàu ở biên giới, tổ chức thành mấy đạo quân phục quốc, đã có ông Lập Nham và mấy đồng chí nữa có học thức,

có kinh nghiệm quân sự, lĩnh việc huấn luyện, chỉ huy. Rồi ta khởi binh tự biên giới đánh sang thượng du Bắc Bộ, chiếm lấy mấy nơi làm căn cứ, hô hào dân chúng dấy lên, nội ứng ngoại hợp, cùng đánh kẻ thù, trong khi chúng phải bối rối về việc Tổ quốc bị công kích nguy ngập.

Công cuộc đảng ta đang bố trí tiến hành, ai nấy đều đem hết tâm lực, cầm chắc thế nào cũng sẽ thi thố như nguyện; ngờ đâu lại bị thủ đoạn ngoại giao của người Pháp làm cho việc ấy thành ra giấc mộng.

Người cầm quyền ở Quảng Tây hồi bấy giờ hình như Đốc quân Lục Vịnh Đình nếu không phải chúng tôi nhớ sai – đã hứa giúp đỡ cách mệnh Việt Nam, rồi trở mặt nhận hối lộ của người Pháp mà thẳng tay bắt bớ chí sĩ ta, phá hoại mưu đồ ta, có lẽ chỉ còn gang tấc cách xa thực hiện.

Nhiều người may mắn hay tin trước, vừa kịp thoát hiểm; trong số ấy chính ông Lập Nham là một.

Vào khoảng giữa năm Giáp Dần (1914) ông lẻn về nước, trong ý quyết định thủ xướng một cuộc khởi nghĩa ngay ở đất nước nhà.

Đổi tên khách, ông đáp tàu ở Hương Cảng thẳng về Sài Gòn, vào Chợ Lớn ở trà trộn giữa xã hội Hoa kiều do thám tung tích đồng chí.

Hồi này có nhiều nhà cách mệnh Bắc Hà bị người Pháp an trí ở Nam bộ: ông Nguyễn Quyền tức Huấn Quyền nguyên giám đốc trường Đông Kinh Nghĩa Thục bị an trí ở Bến Tre, sau khi ở Côn Lôn được thả về; ông cử Dương Bá Trác ở Long Xuyên, Võ Hoành ở Sa Đéc; còn nhiều người khác tản mạn ở khắp Lục châu: tiếng là mỗi người được ở một nơi tự do, nhưng con mắt cú vọ của ty trinh thám luôn luôn giám thị gay gắt.

Chính cụ Cử Nhị Khê đã bị đưa qua Nam Vang an trí hơn một năm vì những việc bạo động xẩy ra ở Bắc bộ năm 1913; cụ bị bắt rồi bị đày sang kinh đô Cao Miên giữa lúc sắp sửa lên đường khứ quốc Đông du.

Tuy nhà đương cục Pháp khéo dùng cách phân quần ly cư, bắt mỗi người ở một chỗ và xem xét nhất cử, nhất động rất nghiêm, nhưng các nhà cách mệnh ta có tai mắt xếp đặt các nơi, vẫn có những phương pháp mật nhiệm khôn ngoan để cùng nhau trao đổi tin tức thanh khí. Chẳng những trao đổi giữa đám quản thúc hay các đồng chí ở Nam bộ mà thôi, lại thường giao thông âm tín

với các bạn ở hải ngoại không lúc nào đến nỗi đoạn tuyệt.

Ví dụ, ông Ba Tiêu – cũng là người bị an trí – mở hiệu thợ giặt ở cầu Khánh Hội, gần bến tàu tức là bộ giao thông cho các đồng chí trong nước với hải ngoại, do những đám người làm việc dưới tàu biển phụ trách tin đi mối về. Ngay trong ty mật thám Pháp ở Sài Gòn đảng ta cũng đặt người tâm phúc xen lộn vào làm việc, bề ngoài rõ là viên chức trung thành, mà bề trong chính là tay phản gián điệp và là tai mắt của đảng ta đấy. Nhiều hiệu khách ở Chợ Lớn và Lục tỉnh cũng sẵn lòng tiếp thu hay phát đệ thư tín hải ngoại hộ ta.

Nhờ có những cuộc xếp đặt như thế các ông Kỳ Ngoại hầu, Võ Mẫn Kiến, Phạm Cao Đài... từ bên Nhật, bên Tàu đi về Nam bộ nhiều phen đều được an toàn vô sự. Những bạn đồng chí ở Côn Lôn vượt ngục trốn về, miễn là bám chân lên đất Nam bộ, tức thì chắc chắn có chỗ nương thân, có người bao bọc. Hễ nắm được đầu mối là lần ra tất cả sợi dây liên lạc.

Cũng nhờ có những cuộc xếp đặt bí mật như thế, ông Lập Nham từ hải ngoại trốn về ở Sài Gòn, Chợ Lớn có mấy hôm, liền tìm ra tung tích ông Dương Bá Trạc hiện bị an trí tại Châu Thành, Long Xuyên.

Họ Dương, sau khi tiễn bạn Lập Nham ở Móng Cái xuất dương, như ta đã biết, trở về Hà Nội tham gia một phần đắc lực vào phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục, hồi 1907, và các cuộc hoạt động phản đối ở Bắc mấy năm kế đó. Đến năm 1909 bị kết án và bị đày ra Côn Đảo; chung vào một đoàn dài Văn thân Trung, Bắc như các ông Huỳnh Thúc Kháng, Ngô Đức Kế, Nguyễn Quyền, Lê Đại... Hơn một năm sau, Dương và mấy bạn đồng án vì việc Đông Kinh Nghĩa Thục, cùng được thích phóng ở Côn Đảo, nhưng về an trí ở Nam bộ, cũng như giam lỏng mỗi người một nơi; chứ không được về Bắc.

Đến năm Giáp Dần (1914), có vụ đánh khám lớn Sài Gòn, Dương ở trong số tình nghi, bị bắt giam mấy tháng, sau được tha về an trí ở Long Xuyên như cũ. Có điều lần này phải ở một căn nhà gần kề sở cảnh sát cho họ tiện canh gác đêm ngày và bị cấm tuyệt giao du đi lại với bất cứ ai.

Ấy thế mà ông Lập Nham xuống Long Xuyên gặp mặt bạn cũ và cùng các đồng chí cách mệnh Nam bộ luôn mấy đêm ngày thảo luận kế hoạch cứu quốc.

Ông đến ở nhà đồng chí Nguyễn Thượng Khách ở làng Mỹ Phước gần Châu Thành Long Xuyên. Nhà ở tỉnh này, phía sau đều có ngôi lạch thông nhau, lính kín12 chẳng khi nào đi tuần phong tới; ngòi lạch ấy là đường giao thông rất tiện cho nhà cách mệnh.

Mỗi đêm, Thượng Khách sai gia đinh chèo một chiếc xuồng con đi đón Dương đến nhà mình hội đàm với Lập Nham và nhiều đồng chí khác.

Cuộc hội đàm kéo dài luôn bốn năm ngày chỉ bàn soạn một vấn đề mà ai nấy cùng ôm ấp trong lòng, là phương châm khởi nghĩa đánh thực dân.

Các ông bàn xét với nhau vẫn đề trọng yếu ấy đủ các phương diện.

Về cơ hội, anh em đồng ý rằng lúc này chính là lúc ta nên thừa thế phấn khởi. Quân thù ta hiện đương vướng chân vào họa chinh chiến ở đất nước họ, mà xem thế càng ngày càng nguy, hẳn không thể nào khuynh tâm tận lực đàn áp ta được như trước. Ta cứ phất cờ độc lập, nổi hiệu tranh đấu, khua động tất cả tầng lớp xã hội trong nước dấy lên ủng hộ; trước hết tự mình tỏ bày ý chí tự do, tinh thần kháng chiến của mình ra, rồi hãy trông mong thiên hạ giúp đỡ. Chừng ấy, chính những địch quốc của Pháp sẽ vì chiến thuật có lợi cho họ mà họ phù trợ ta cũng nên.

Nhưng hiện thời liệu ta có đủ lực lượng để khởi nghĩa không?

Trước câu hỏi này, có ông nói từ ngày khởi lên chiến tranh ở châu Âu, người Pháp đã đem và sẽ phải đem nhiều binh lực của họ về Tây, ở đây không còn mấy chút, có lẽ nào ta không đương đầu nổi ư?

Trái lại, ông Lập Nham là người từng được học việc binh tân thời, từng có kinh nghiệm về quân sự, chiến trận, cho nên ông hiểu rõ năng lực của mình đến đâu và lực lượng quân thù ra sao?

Ông nói: “Chúng ta phải tri bỉ tri kỷ13 trước khi bắt tay vào việc; chớ có khinh thường lực lượng kẻ thù ta! Tuy chúng có đưa bớt binh lực về Pháp cũng còn dư quân lính khí giới để phòng thủ Đông Dương. Quân lính khí giới ấy chắc không địch nổi một cường quốc như họ, đến đây xâm lăng thì có; chứ không khó khăn tiêu diệt những đạo binh ô hợp và không luyện tập của ta. Bởi vậy, nói khởi nghĩa tức là giải quyết vấn đề quân sự. Cố nhiên phải lo nhiều phụ thuộc; khí giới, tài chính, lương thực, tuyên truyền... nhưng cần nhất là chiến sĩ phải có luyện tập thuần thục mới được! Đến quân sự thủa xưa, người ta chỉ cốt có bắp thịt sai khiến nổi

ngọn mác, thanh gươm, thế mà còn phải rèn tập công phu mới thành tên lính, mới đi ra trận được; huống chi với chiến thuật đời này!"

Cử tọa điều nhận ý kiến ông là xác thực. Vậy phải tính kế chắc chắn, rồi hãy cử sự; nhất là về binh lực cần phải luyện tập, nếu không thì lại hóa ra chuyện sương mai hoa đèn như những lớp trước. Âu chiến chưa thể kết thúc ngay được đâu, tất còn kéo dài năm ba năm nữa, ta cứ dự bị hẳn hoi, sẽ có dịp xướng nghĩa diệt thù mong đến thắng lợi.

Kết luận, đồng chí dự hội đều tán thành kế hoạch (Khẩn điền, luyện quân) ở bên Xiêm, giao cho ông Lập Nham phụ trách huấn luyện.

Người Việt Nam ta sang kiều ngụ đất Xiêm vốn đông, chia ra nhiều hạng, mỗi hạng sinh tụ riêng một khu, gọi là xóm.

Những người ở xóm Bang Pho gần kinh thành Bangkok, hầu hết là con cháu đám dân đi tránh nạn Tây Sơn, theo vua Gia Long sang tự cuối thế kỷ XVIII. Trừ ra ông già bà cả còn nhớ gốc tích cũ, kỳ dư14 đã đồng hóa với người Xiêm. Họ ở riêng thành mấy làng, nhiều người kinh doanh buôn bán trở nên giàu có.

Người ở xóm Kinh là người di cư sang sau người xóm Bang Pho. Trong đó có một số là bộ hạ cụ Phan Đình Phùng kéo sang từ 1895. Sau khi cụ Phan qua đời, nghĩa binh tan rã, họ không chịu hàng phục người Pháp, đưa nhau qua Xiêm sinh tụ từ đó đến nay, vẫn nói tiếng mẹ đẻ.

Còn người ở xóm Xiêm là tín đồ Thiên chúa; trải mấy triều vua Minh Mệnh, Thiệu Trị, Tự Đức, họ trốn nạn cấm đạo trong nước mà chạy sang Xiêm, phần nhiều sinh nhai về nghề chài lưới.

Đến khoảng 1908-1909, Sào Nam tiên sinh xin được nhà đương cục Xiêm cho khai khẩn một sở ruộng ở Ban Thầm, tụ họp những thanh niên cường tráng không chịu làm nô lệ Pháp, sang đấy ở phá rừng làm ruộng để đợi thời cơ. Có lúc Sào Nam tiên sinh bất đắc chí ở Nhật và ở Tàu, đã sang Xiêm ở đồn điền Ban Thầm một độ, cùng anh em chia sẻ khó nhọc, cuốc đất, trồng cây, khi rảnh thì viết văn cổ động cách mệnh gửi về nước. Cho đến năm Tân Hợi (1911) cách mệnh Tàu thành công, tiên sinh mới trở về Trung Quốc.

Nay cuộc hội nghị cách mệnh ở Long Xuyên cũng quyết định theo đuổi kế hoạch ấy, nhưng mở mang rộng lớn hơn nhiều.

Các đồng chí cử ông Lập Nham chuyến này ra ngoài, đi ngay sang Xiêm, lập một nơi làm ruộng đốn cây to tát, chiêu tập hết anh em các nơi về ở cả đấy; lại chọn lựa những dân mình hiện kiều ngụ ở Xiêm, có ai còn nhớ tới Tổ quốc thì cùng quy tụ lại tất cả lấy năm ba ngàn người; bề ngoài chuyên việc thực nghiệp mà bề trong thì huấn luyện quân sự. Số tiền cần dùng để kinh doanh, đồng chí Nam bộ sẽ quyên góp, vận sang bao nhiêu cũng có.

Ông Lập Nham cùng mấy đồng chí nữa cùng có quân sự học thức như ông, sẽ ở bên Tàu đưa sang, cùng ra sức rèn tập cho năm ba ngàn người ấy thành một toán quân cường kiện, xứng đáng là những chiến sĩ tiên phong. Rồi thì rình mò cơ hội sẽ mưu với người Đức hoặc một cường quốc khác, bán khí giới cho mình, bấy giờ nhất cử kéo về, nổi hiệu cờ quang phục.

Kế hoạch nhất định với nhau thế rồi, ông Lập Nham từ giã anh em, lên đường đi Xiêm.

IV

BỊ BẮT Ở HƯƠNG CẢNG

Ông từ giã Long Xuyên xuống tàu thủy lên Nam Vang thăm cha già đã cách biệt lâu năm; rồi sẽ từ Nam Vang đi đường bộ lên Battambang15 qua Xiêm rất tiện.

Hồi đó là mùa thu năm Giáp Dần (1914).

Năm trước, xứ Bắc có hai vụ ám sát chính trị phát ra liên tiếp trong vòng nửa tháng, là vụ ném bom giết tuần phủ Nguyễn Duy Hàn ở Thái Bình và hai võ quan Pháp ở cửa Hà Nội – Hotel. Người Pháp nhận thấy trong những hành động táo bạo ấy rõ ràng có linh hồn và cánh tay của phái Đông du, mà vây cánh thế lực tràn lan hải ngoại lẫn trong nước, cho nên lại ra sức đàn áp. Một mặt giao thiệp khôn khéo với nhà cầm quyền ở các tỉnh biên giới nước Tàu là nơi chí sĩ Việt Nam mượn làm căn cứ hoạt động, muốn bắt tất cả những người đáng để ý nhất hồi bấy giờ như Sào Nam, Cường Để, Mai Sơn, Nguyễn Hải Thần, Hồ Tùng Mậu, Lương Ngọc Quyến, Hàn Minh... Một mặt thẳng tay trừng trị văn thân nghĩa sĩ trong nước. Lúc ấy cụ Cử Nhị Khê sắp sửa lên đường Đông du thì bị người Pháp hạ ngục. Hội đồng Đề hình16 cuối năm ấy đem ra vấn tội một xâu dài chính trị phạm, kết án 14 tử hình (trong số đó 7 người xử tử vắng mặt là Sào Nam, Cường Để, Nguyễn Văn Thụy tức Hán Minh, Nguyễn Bá Trác, Lương Ngọc Quyến...) một án chung thân khổ sai, 10 án cấm cố17, 13 án lưu đồ18, trong ấy cụ Cử Nhị Khê là một.

Người Pháp đưa cụ sang Nam Vang an trí; thời hạn là 10 năm.

Mỗi việc xảy ra như thế, ông Lập Nham ở hải ngoại đã được tin tức đồng chí trong nước thông báo cho biết.

Vì thế nay có dịp về Nam bộ cùng anh em bàn về việc kinh doanh

bên Xiêm và được ủy nhiệm xếp đặt việc ấy, ông muốn đi đường bộ sang Xiêm cho được ghé qua Nam Vang.

Sau khi ông lên đường, anh em đồng chí ở Nam bộ liền mở cuộc quyên góp được một số tiền lớn, có thể đủ dùng cho kinh phí buổi đầu, rồi sau sẽ trù khoản tiếp tế thêm. Số tiền ấy sẵn sàng chờ đợi có tin bên Xiêm về thì đảng phái người sang ngay.

Chẳng dè càng mong càng bặt, một tháng, hai tháng, cho đến ba tháng, bốn tháng cũng không nhận được tin tức gì cả.

Ai nấy đều lấy làm lạ, tỏ ý lo ngại, nhất là anh em đã giao ước thông báo tin tức cho nhau luôn, do mỗi kỳ tàu Sài Gòn, Bangkok có người trong đảng nhận lĩnh thư từ, mà hiệu thợ giặt Ba Tiêu ở cầu Khanh Hội tức là nơi bí mật chuyển đệ.

Mọi người trông ngóng sốt ruột, phỏng đoán một cách.

Việc giao thiệp khó khăn, hoặc chưa tìm ra khu đất nào thuận tiện vừa ý chăng?

Có lẽ thế. Nhưng ở bên kia Cửu Long giang, về địa hạt Xiêm thiếu gì đất hoang, người ta có thể xin khẩn lúc nào chẳng được? Vả lại, ta đã có sở ruộng Ban Thầm và sẵn có đồng chí tụ họp, nay muốn mở mang lớn ra, việc bàn tính sao phải lâu lắc đến thế?

Hay là Lập Nham đi thẳng sang Tàu rồi chăng?

Cũng có lẽ. Nhưng có đi đâu phải báo cho anh em ở nhà biết chứ.

Không ai nghĩ tới sự bị bắt, vì ông về nước với thông hành hộ chiếu Trung Hoa và hành tung giữ cực bí mật chắc không thể xảy tới sự không may.

Đồng chí Nam bộ mong đợi mãi đến tháng Tư năm sau (tháng năm 1915) có người ở Hà Nội vào nói cho anh em biết cái tin sét đánh:

- Lập Nham bị bắt rồi!

- Khổ chưa! Thảo nào chúng tôi càng trông tin càng biệt. Bị bắt ở đâu?

- Bị tụi trành19 của Pháp lừa bắt được ông ở Hương Cảng, đã giải về Hà Nội giam trong Hỏa Lò.

Những người quen biết và hiểu rõ chí hướng của ông khi nghe tin

đều phải ngậm ngùi than thở:

Đáng tiếc! Đáng tiếc! Thế là kế hoạch (doanh điền, luyện binh) của chúng ta tiêu tan và nước nhà lại mất thêm một tay tráng sĩ!

Thật thế, ông bị bắt tại Hương Cảng.

Thì ra ông lên Nam Vang mới ở có mấy ngày, cùng cha già em bé chưa được thỏa tình mười năm ly biệt, đã có tin mật báo cho hay rằng người Pháp hiện đang tầm nã ráo riết, vì hành tung bại lộ mất rồi, nên kíp xa chạy cao bay, không thì nguy hiểm.

Đã thế thì một giờ lưu lại Cao Miên tức là một giờ hiểm nghèo, ông vội vã tìm cách tẩu thoát. Đầu tiên định chạy thẳng qua Xiêm là nơi đã mục đích nhắm từ trước, chỉ cách Nam Vang có một ngày đường ô tô đến biên giới.

Nhưng lại nghĩ tung tích đã bại lộ, người Pháp tất đã báo tin và giăng lưới khắp nơi, bây giờ sang Xiêm cũng nguy mà phần nguy lại có lẽ nhiều hơn. Vì bà con ta thù ghét chính sách đô hộ, trốn sang ở Xiêm nhiều, cho nên người Pháp tổ chức công việc do thám rất chặt chẽ; ngay trong sứ quán Pháp tại Bangkok có một cơ quan riêng để trinh sát hành động của phái Việt Nam phản đối, không ai không biết. Từ trước, vô số người bô đào20 đã sa vào lưới ấy mà kẻ làm ngư ông chính là một người đồng bào trung thành với người Pháp.

Nay muốn thoát hiểm mà lại chạy sang Xiêm, khác nào con cá dưới sông hồ tự nhẩy lên, đặt mình trên thớt của chú đầu bếp.

Thôi thì công việc mưu toan bên Xiêm để một vài tháng nữa sẽ hay. Giờ phải tìm cách thoát thân đã. Thân còn thì công việc ấy sớm muộn cũng có dịp thi thố, nếu để mình lọt vào tay kẻ thù thì mất cả tự do, tuyệt hẳn hy vọng.

Ông Lập Nham suy nghĩ thế rồi, trở xuống Sài Gòn, lẩn lút ở Chợ Lớn hết vài tuần, mới thu xếp được với bọn thủy thủ khách dưới tàu họ đem đi trốn sang Hương Cảng.

Một khi đã trốn được xuống tàu, ra khỏi Ô-cấp (Cap Saint Jacques) là ra ngoài vòng con mắt bàn tay của bọn thám tử; lại sang Hương Cảng là tô giới Anh thì hẳn không lo điều gì bất trắc xảy đến. Chẳng phải nước Anh nổi tiếng tôn trọng tự do nhất thế giới và hay bao bọc chính trị phạm quốc tế ư?

Kỳ thật, họ chỉ khéo giả nhân giả nghĩa. Hễ là tụi thực dân chuyên

môn đi giành quyền cướp đất thiên hạ mà sống, thì dù ở đâu cũng một lò, một khuôn đúc ra. Bao giờ họ cũng bênh vực giúp đỡ lẫn nhau, chớ nghĩ chính trị phạm nào đến núp dưới bóng cờ họ mà tôn trọng công pháp không bắt hộ nhau. Trong vòng 40 năm nay thiếu gì nhà bôn tẩu quốc sự ta, như Đặng Tử Kính, như Tạ Thu Thâu, đã bị cảnh sát Anh bắt ở Hương Cảng, ở Tân Gia Ba21, hoặc ở tô giới Thượng Hải, rồi giao trả cho Pháp. Tội nghiệp chúng ta đặt bao nhiêu hy vọng vào các nước đồng minh dân chủ, rồi phải ngẩn người trắng mắt với nhau khi được trông thấy chính người Anh che chở dìu dắt cho bọn thực dân cướp lại Nam bộ.

Cuối năm Giáp Dần, ông Lập Nham cũng vì tin ở người Anh tôn trọng quốc tế công pháp đối với chính trị phạm, cho nên đến Hương Cảng tức là đưa mình vào miệng con cọp dữ.

Ông lên bờ, ngụ vào một nhà trọ quen, trong trí đang mừng thầm đã thoát được nguy hiểm và yên ổn xếp đặt hành trình đi Xiêm nay mai, bỗng một tảng sáng, lính cảnh sát trinh thám Anh rần rộ22 vây nhà bắt ông và dẫn đi.

Trước mặt viên cảnh sát trưởng Anh ông giữ thái độ rất trấn tỉnh, không lộ vẻ gì lo lắng, hoảng hốt, một hai nói mình là người Tàu làm ăn lương thiện, tự nhiên bị bắt là nghĩa làm sao?

- Anh là Lương Ngọc Quyến, người Việt Nam bị kết án bạo động! - Viên cảnh sát trưởng nói.

- Ồ! Các ông bắt láo. Tôi chính là Lương Lập Nham, người Trung Hoa.

Mặc ông chối cãi, ty cảnh sát chính trị Anh cứ cho giải đến đối chất ở Lãnh sự quán Pháp. Sự thật chính viên Lãnh sự Pháp nhờ mật thám Anh ở Hương Cảng bắt hộ, theo điện văn của Chính phủ Đô hộ Đông Dương thỉnh cầu.

Tại đây, ông cũng một mực bình tĩnh, đưa ra hộ chiếu nọ, chứng tá23 kia, hết sức biện bạch mình không phải người Việt Nam, mà thật là người Trung Quốc. Đã là người Trung Quốc lại không phạm tội gì ở Hương Cảng, hơn nữa không có chuyện gì dính dáng với Pháp, thế mà người ta bắt bớ giam cầm một cách vô cớ, té ra khinh miệt chủ quyền Trung Quốc, xâm phạm cá nhân tự do mà xưa nay hai nước Pháp, Anh vẫn khoe tuyệt đối tôn trọng và bảo hộ; thêm vào đó xâm phạm cả quốc tế công pháp nữa. Vậy thì họ phải lập tức trả lại tự do cho ông; hay là nếu họ còn có chỗ ngờ vực không tin, phải trao trả về nhà đương cục Quảng Châu xử lý, chứ

họ không có quyền bắt giam ở đất Trung Hoa một người Trung Hoa vô tội thế này. Kết thúc, ông nói sự bắt giam ngang ngược này có lẽ sinh chuyện phiền phức về ngoại giao, vì Trung Hoa Dân Quốc chẳng phải đâu nhu nhược như Mãn Thanh lúc nọ, quyết không nghe cho một tên dân nước mình bị bạc đãi lạ lùng đến thế.

Đại khái những lý do ông dẫn ra cứng cỏi, hợp lẽ, mà thái độ lại ung dung, thần sắc bất biến, có lúc gieo mầm phân vân lưỡng lự vào đầu óc viên lãnh sự Pháp.

Người chủ nhà trọ và mấy người bạn Tàu ở Hương Cảng cũng sẵn lòng đến làm chứng hộ ông quả là công dân Trung Quốc trăm phần trăm.

Song một sự ngẫu nhiên, một điều bất ngờ, tự nhiên vung tay hất đổ tất cả, và nó làm chứng trái hẳn, không còn cãi vào đâu được nữa.

Ông bị bắt sau một hai hôm, thì bào đệ[24] là ông Nghị Khanh cũng đi học bên Nhật, thu nghiệp ở trường Đồng văn thư viện, nghiên cứu về kinh tế, như một chương trên kia đã nói, tự Hoành Tân về đến Hương Cảng.

Nghị Khanh ở dưới tàu thủy lên, chở hai, ba rương hòm sách vở hành lý đến nhà trọ của anh. Bấy giờ mới biết sự tình anh đã lâm nạn. Người vốn ốm sẵn, Nghị Khanh thấy nhà trọ anh chật chội không thể ở chung, bèn gửi tạm hành lý ở đó, tất tả đi Cửu Long tìm nhà đồng chí Tàu lấy nơi trú ngụ dưỡng bệnh, đồng thời loan báo họ ra sức vận động thế nào giải thoát cho anh, chậm trễ thì hỏng.

Trong thời gian ấy, cảnh sát Anh thình lình đến khám xét ngụ sở ông Lập Nham chắc định tìm lấy mảy may dấu tích gì chứng tỏ ông quả thật nhà cách mạng Việt Nam mà Pháp yêu cầu bắt hộ. Nếu không có mày may gì, tất họ trả tự do cho "chú khách" đã bị bắt oan, bắt lầm và xin lỗi khôn khéo một hai câu cho xong chuyện, chứ không thể cầm giữ mãi được.

Bất đồ[25] mở tới mấy rương hành lý Nghị Khanh đã gửi, họ vớ được vô số tang vật chỉ tỏ ra "chú khách" ta đích thị Lương Ngọc Quyến, đảng viên cách mạng Việt Nam mà họ bắt đúng. Cuộc khám xét này thành công và có ý nghĩa cho họ, như phát ra một mũi tên mà hạ được cả đôi chim to; vì chủ mấy cái rương hành lý bọn thực dân Pháp cũng muốn đặt tay vào cổ nhân thể.

Thì ra bao nhiêu hình ảnh thư từ anh gửi cho em trong khoảng

mấy năm gần đó, Nghị Khanh đều giữ lại trân trọng, coi như vật kỷ niệm quý báu thiêng liêng; cả mấy bức ảnh khi hai anh em còn học với nhau ở Đông Kinh, và khi ông Lập Nham còn đóng Thiếu tá trong quân đội cách mạng Hán khẩu cũng có.

Từ giờ phút ấy, ông thái nhiên26 nhận lấy số mệnh không may, chẳng nói gì nữa.

Mấy hôm sau, nhà đương cục Anh ở Hương Cảng để che mắt thế gian và gọi là trục xuất cảnh ngoại cho giải ông xuống tàu đưa đi Quảng Châu Loan27, bí mật thông tin cho người Pháp đón lấy mà bắt.

Ông bị giam ở Quảng Châu Loan hết vài tháng, rồi đương cục Pháp ở đó giải về Đông Dương vào khoảng tháng Hai năm Ất Mão (1915).

Đối với chính trị phạm quốc tế, người Anh vẫn có lối giả đạo đức như thế. Một nhà cách mạng nước khác đến đất họ quản trị mà âm mưu hoạt động gì, họ chỉ bắt giam để xét hỏi rồi đưa ra khỏi địa phận họ mà tha cho đi đâu thì đi, chứ không kết án làm tội – trừ ra có làm việc gì xâm phạm đến trị quyền sở tại – nhất là không giao trả (extrader) cho Chính phủ quan hệ của nhà cách mạng ấy.

Bề ngoài họ làm ra vẻ tôn trọng cá nhân tự do của chính trị phạm quốc tế như vậy, nhưng bề trong họ ném đá giấu tay, bắt giao người ta một cách gián tiếp. Tức như trường hợp ông Lập Nham và nhiều nhà cách mạng khác đã sa vào lưới giả nhân giả nghĩa của người Anh. Thật thế, bảo rằng họ chỉ đuổi ông ra khỏi đất Hương Cảng, chứ không giao tay cho người Pháp bao giờ; thế sao họ không thả ông vào nội địa Tàu cách xa có mấy bước, lại phải đưa đi Quảng Châu Loan là đất thuộc Pháp? Chẳng phải họ dụng tâm giao trả ông Lập Nham cho Pháp là gì?

Ông ở hải ngoại về Việt phần thình lình giữ gìn cực kỳ bí mật, trừ anh em đồng chí không ai hay biết gì cả, tại sao người Pháp lại dò ra tung tích rồi theo dõi cho tới Hương Cảng bắt được mới thôi?

- Ôi! Mười vụ cách mạng bại lộ mất chín; mười nhà cách mạng bị thực dân bắt được, tại có người mình lập công cầu lợi, làm tranh28 cho nó chứ gì! – Người này trả lời.

- Khốn nạn! Nhiều khi chính là đồng chí phản trắc khai ra cũng có! – Người kia nói và thở dài.

Người khởi nghĩa Thái Nguyên bị bắt, vì tụi trành của thực dân thả ra tứ tung, mà cũng vì có một bạn đồng chí phản trắc, mật báo cả đường đi lối bước cho thực dân bắt được bạn, để gỡ tội lập công, thêm được phú quý. Dưới đây các ngài sẽ thấy trong một bài thơ tuyệt mệnh, có một câu tác giả ký ngụ nỗi buồn đó.

Nhiều nhà cách mạng đồng thời với ông Lập Nham nay hãy còn đó; các cụ nói trắng cho chúng tôi biết rằng: kẻ bất lương đã bán đứng Lập Nham cho thực dân, chính là Nguyễn Bá Trác.

Nguyễn Bá Trác là bạn cùng học bên Nhật một lớp với ông, sau cùng về ở nước Tàu bôn tẩu quốc sự với nhau, tình thân nghĩa thiết. Lại cùng là một số bảy người bị thực dân kết án tử hình khiếm diện[29] cuối năm 1913. Qua đầu năm sau, va[30] đã về đầu hàng và được ở Nam phần. Va cũng ở Long Xuyên trong khi ông Lập Nham từ hải ngoại trốn về, mật hội đồng chí ở nhà bạn Nguyễn Thượng Khách. Khôn ngoan và từng trải, va thừa biết Lập Nham là một trong những tay hải ngoại vận động rất lợi hại lúc bấy giờ, chắc thực dân cần bắt và muốn bắt để tiêu diệt lần hồi vây cánh thế lực của phái Đông du. Vậy thì báo bắt người ấy có ba điều lợi cho va: một là dâng món quà hiếm hoi để mua lòng tin cậy của thực dân, vì từ khi ra thú, va chưa lập nên công trạng gì; hai là xóa được án cũ; ba là bước đi đến công danh.

Vì thế sau khi ông Lập Nham từ giã Long Xuyên đi Cao Miên, va mật báo cho ty Liêm phóng[31] biết mà theo dõi? Những người hiểu rõ câu chuyện, nói rằng chỉ chậm độ nửa giờ, ông có thể bị bắt ngay ở Nam Vang.

Muốn săn cọp mà hạ kỳ được, không thì có thể bị cọp vồ chết mình, va lại vạch rõ cả hành tung và những nơi trú ngụ ở hải ngoại cho thực dân biết mà săn bắt; dù cho cọp có thoát vòng vây trong xứ thì ra ngoài cũng phải mắc lưới.

Quả nhiên, sang đến Hương Cảng thì ông bị bắt.

Có người nói một viên chức ở Lãnh sự quán Pháp tại Hương Cảng tên là Thu, cũng có công lao trong vụ ấy. Bình nhật, Thu vẫn tới lui quen biết ông Lập Nham một cách thân thiện; nay hắn trở mặt, thấy ông đến Hương Cảng, liền mách Lãnh sự Pháp nhờ cảnh sát Anh bắt hộ.

Chúng tôi quên nói lúc ông ở Sài Gòn thoát hiểm về Hương Cảng, trong trí đã dự định chỉ lưu lại mấy tuần, rồi nếu tình thế chưa tiện đi Xiêm để kinh doanh công cuộc "khẩn điền luyện binh" thì

ông thừa dịp đi Âu châu, đến tận nước Pháp, cho được thấy rõ văn minh và lực lượng kẻ thù ra thế nào?

Việc dự định ấy, hình như Thu biết. Va mật báo người Pháp tính cách bắt ông ngay. Họ sợ để ông lọt sang Pháp sẽ bí mật giao thiệp và tuyên truyền cách mạng trong đám lính mộ Việt Nam, tất là nhiễu sự.

V

MỘT NGƯỜI HIỆP NỮ

Từ Hương Cảng giải về Bắc, thoạt tiên ông bị giam trong xà lim Hỏa Lò Hà Nội để chờ xét lại án cũ. Ngày đêm cùm xích canh phòng cực nghiêm, bất cứ đồng chí hay gia nhân, chẳng ai được phép thông tin, giáp mặt.

Ai cũng lo thời kỳ chiến tranh nghiêm trọng lúc ấy giữa năm 1915 – có lẽ Chính phủ đô hộ thẳng tay xử đến cực hình y theo án cũ; vì trong khi xét hỏi, ông đối đáp rất cứng, tỏ mình phản đối chính sách thực dân ra mặt, không cam khuất phục. Bắt quá họ ỷ sức mạnh cũng đến giết mình là cùng; đời người chỉ chết một lần chứ không có hai.

Trước hết, họ giải ông lên Cao Bằng, ra trước tòa án nhà binh tại đó, để trả lời một vụ đánh cướp đồn lính ở biên thùy Quế, Việt, mà họ dò biết chính ông là một tay chủ động.

Tòa án binh muốn kết án, nhưng không đủ chứng cớ, đành phải tha bổng.

Người ta lại giải trở về Hà Nội, giam vào Hỏa Lò cho Hội đồng Đề hình xét lại cái án chính trị đã xử vắng mặt hơn một năm trước.

Sự thật tòa án thực dân hằn học với phái Đông du, hễ vớ được ai là nhăm nhăm làm án thật nặng, không còn thương xót.

Nhưng với ông Lập Nham, họ không tìm đủ điều kiện vật chất tỏ ra ông thật có thiết thực tham gia vào các cuộc cách mạng bạo động từ 1906 tới đây, cũng chẳng bắt được ông quả tang giữa trận đang cầm súng bắn nhau với người Pháp bao giờ, thành ra không thể xử vào cực hình theo như ý muốn.

Tuy nhiên họ vẫn đủ chứng cớ để kết án ông chung thân cấm cố; vì theo chỗ khám phá của tụi trành và lời khai của những người bị bắt bấy lâu, ông chính là một phần tử rất hoạt động trong vòng năm sáu năm gần đây, đối với chủ quyền ở Đông Dương của Pháp luôn luôn thù nghịch và tìm cách phá hoại.

Dù án đã kết mặc lòng, toàn quyền Sarraut và Chánh ty Liêm phóng Đông Dương vẫn cho người vào ngục thuyết ông, nếu chịu quy thuận giúp đỡ Chính phủ, thì án sẽ hủy đi và được trọng dụng hậu đãi là khác. Họ hỏi về thực lực của đảng, nhưng ông kiên quyết không chịu khai. Ông nói:

- Các anh muốn làm gì ta thì làm! Một người cách mạng chân chính không khi nào chịu khuất phục quân cướp nước.

Sau họ lại đưa ông về Nam Định giao cho viên Công sứ Tissot người đã dụ dỗ được rất nhiều người ra thú. Viên công sứ đối đãi ông rất tử tế không giam cầm như mọi tù tội khác. Ông được đi lại tùy tiện, muốn đi ra phố, hắn sai người đánh xe ngựa để ông đi chơi, ông tự nhiên mà nhận sự đối đãi ấy như là mình có quyền hưởng và người Pháp phải đối đãi như thế; nhưng hễ hỏi đến việc đảng và đưa quan tước ra dụ ông thì ông nhất định không nói và khẳng khái không nhận. Như thế trong ba tháng, biết rằng không thể lay chuyển được, viên công sứ gửi trả Chính phủ để xử ông theo luật định.

Vì thế bọn cầm quyền giận ghét ông cay đắng, từ đấy có lệnh riêng cho viên giám ngục đối đãi cực kỳ tàn bạo, để ông phải chết lần chết mòn một cách đau khổ hơn là sự chém.

Họ phát vãng32 nay đề lao Sơn Tây, mai nhà ngục Phú Thọ, đến đâu cũng giam cùm trong một xà lim hết sức chật hẹp, bẩn thỉu, đừng nói ánh sáng, đến ngay không khí để thở cũng thiếu. Suốt ngày không có một phút được trông thấy ánh mặt trời. Còn sự ăn uống kham khổ và thiếu cả điều kiện vệ sinh ở trong các lao ngục thuộc địa thì không cần nói. Các nhà văn Louis Roubaud, André Viollis đã tả chân cho thiên hạ thưởng thức. Cáo mượn oai hùm, dê mang da cọp, lũ thầy chú trong đề lao thêm vào cho tù phạm một tai họa mau chết nữa.

Hơn bốn tháng ở ngục Phú Thọ đủ làm cho ông Lập Nham phát ốm phát điên, bệnh tình nguy kịch.

Bấy giờ người ta lại giải về Hỏa Lò Hà Nội cấm cố ít lâu, rồi cho tùy ý lựa chọn lấy một nơi phát vãng.

Ông ngỏ ý muốn được phát vãng Tuyên Quang. Nhưng ông đã không được như ý muốn, họ phát vãng ông lên Thái Nguyên.

Lúc ấy vào khoảng cuối xuân 1916.

Sự đối đãi ở Thái Nguyên cũng chẳng hơn gì nơi khác, ông bị xiềng cùm ác nghiệt, hành hạ tàn nhẫn, đến nỗi bại một bên mình, rồi sau một chân tê liệt hẳn không tự cử động gì được.

Đầu tứ hung33 là công sứ Darles, lúc bấy giờ tọa trấn Thái Nguyên, đối với dân tình, với tù, thôi thì tra tấn, đánh đập, mầy tao mắng chửi, hết sức độc ác dã man. Sau vào Sài Gòn làm báo, làm chủ hãng rượu, có lúc ra tranh cử nghị viện, bọn cừu địch hắn mới tố giác chuyện cũ ra, đặt cho cái tước hiệu (Le bourreau de Thái Nguyên) và trưng dẫn bằng cớ, bảo cuộc bạo động ở Thái Nguyên năm 1917 chính tự hắn hung ác với tù, với lính mà gây nên.

Thuyết ấy cũng có một phần đúng sự thật. Lảu thông34 tiếng Việt, hắn thích được dân vái bẩm cụ lớn. Tù đi làm cỏ vê35 trong dịch sứ cũng như ngoài đường, hay bị hắn tác oai đánh đập tàn nhẫn, cả lính khố xanh đi theo cũng không tránh khỏi. Nhân tâm chứa đầy phẫn khích, như hòm thuốc súng chỉ đợi có người biết châm lửa đúng vào ngòi là phát nổ.

Hắn đặc biệt nguyền rủa căm hờn bọn tù chính trị, vì họ thường gửi đơn kêu nài chuyện nọ, yêu sách chuyện kia luôn. Bởi vậy, lúc nghe viên giám ngục (Tây) đến báo cáo rằng tên tù chính trị Ba Quyến mắc bệnh tê bại và hỏi có nên nới bớt lệ cùm đôi chút không. Darles hất hàm trả lời, sừng sộ:

- Mặc kệ! Cứ cùm, chết thì chôn.

Câu nói của tên đầu đảng tứ hung – mà sau kẻ thù hắn đem ra tố giác trước dư luận, phơi rõ trong óc con người ấy không còn chút gì gọi là nhân đạo. Hắn cho một người Việt Nam ở tù mặc dầu là chính trị phạm, mà lại bệnh tật què quặt nữa, là một người không đáng kể.

Mà quốc sự phạm Lập Nham đến nỗi tê bại què chân, là do cách đỗi đãi ác nghiệt của Darles.

Thật thế, hắn đọc hồ sơ, thấy kể lai lịch là con nhà văn thân, toàn gia phản đối thực dân, lại là thanh niên Đông du tốt nghiệp ở trường võ bị nọ kia, trong lòng căm ghét vô kể, cho nên lập tâm hành hạ đến cùng cực. Ban đầu, hắn bắt đi làm khổ sai, mà cổ đeo

gông, chân mang xích nặng nề hơn cả anh em đồng nạn. Tự hắn ra đứng bên ốp việc, sừng sộ ngược đãi đủ cách, chỉ sợ Ba Quyến thừa cơ tuyên truyền cách mạng cho dân chúng hoặc là đào thoát. Sau hắn sai dùi thủng ở giữa bàn chân thành một cái lỗ, để buộc dây xích cho được chắc chắn hơn là vòng quanh cổ chân.

Nghĩ xem, khổ hình ấy không làm nhà cách mạng Lập Nham què liệt sao được? Đến lúc què hẳn, không phải ra ngoài làm khổ sai, nhưng ở trong xà lim vẫn cùm xích đêm ngày.

Có ai tưởng tượng người ấy tuy thân bị nhốt, chân bị què, mà khối óc vẫn lo việc cứu nước, không quên quân thù? Rất đỗi cứ nằm trong ngục tối, gắn chân vào cùm, mà chủ trương xếp đặt một cuộc võ trang cách mạng, dần dà cảm hóa khuyến khích được ông đội khố xanh Trịnh Cấn kéo cờ khởi nghĩa giữa tỉnh Thái Nguyên đêm hôm 13 tháng Bảy năm Đinh Tỵ! (1917)

Nhưng, một đằng là tù trọng phạm, bị cùm luôn trong xà lim mà kẻ giữ ngục lại là người Pháp, một đằng là đội khố xanh ở bên trại lính không có quyền hành gì với đề lao, hai bên cách biệt hẳn nhau và đều ở dưới con mắt luôn luôn xem xét rình mò, thế thì ông Lập Nham với ông Đội Cấn làm cách gì để trao đổi thanh khí tin tức được với nhau mà mưu tính được một việc, là cuộc khởi nghĩa?

Chỗ này xuất hiện một người đàn bà khôn ngoan, can đảm, chịu hy sinh tất cả thân thế gia đình cho việc cách mạng, ta cần phải biết.

Ở trong ngục Thái Nguyên hồi bấy giờ, kể cả ông Lập Nham, có đến chục người quốc sự phạm. Trừ ông Lập Nham què liệt bị giam cầm đêm ngày, còn các người khác vẫn phải đi ra ngoài làm việc cỏ vê tùy án nặng nhẹ.

Trong hạng tù ấy, có hai anh em ruột, Cả Thấu và Hai Vịnh (có người nói là Vy) cũng là chiến sĩ cách mạng còn trẻ tuổi, có tiếng gan góc, giỏi võ nghệ, tâm địa rất tốt.

Hai người là con ông Cử Phùng Văn Nhuận, làng Vân Cốc, tỉnh Sơn Tây, một tướng lĩnh văn thân chống cự quân Pháp ngay lúc đô hộ mới xây dựng trên đất Trung, Bắc. Chắc ai cũng nhớ đoạn sử năm 1884, Nam triều thất thế, phải nhìn nhận quyền Pháp bảo hộ, ra lệnh giải tán quân thứ và khuyên nhủ quan lại phục tùng chính sách mới. Sĩ phu phẫn khích sôi nổi, nhiều ông nộp ấn từ quan, để về mộ binh đánh Pháp; đầu hết là ông Nguyễn Thiện Thuật, tán

tương quân vụ Sơn Tây. Văn thân hưởng ứng rất đông. Ông Nguyễn Văn Giáp đang làm Bố chính tỉnh Sơn cũng bỏ quan về kéo cờ khởi nghĩa; quân sư và phó tướng đạo nghĩa binh này tức là ông Cử Phùng Văn Nhuận.

Sau chủ tướng Bố Giáp qua đời, ông Phùng Văn Nhuận lên thay quyền chỉ huy, luôn mấy năm kháng chiến ở vùng giáp giới Sơn Tây, Hưng Hóa. Nhưng thế cùng lực tận, nghĩa binh tan vỡ, ông thủ khoa Nhuận (cũng có người nói ông đỗ thủ khoa) phải mai danh, ẩn tích, về miền Vĩnh Yên dạy học.

Trong lúc gõ đầu trẻ, ông vẫn bí mật giao thiệp với các văn thân phản đối, mưu sự khởi binh lần nữa.

Người Pháp nghe tiếng, cố sức ép buộc phải làm Tri huyện, độ hơn một năm, ông kiếm cớ bỏ về, theo đuổi chí cũ.

Một người bạn ông, muốn được thăng chức Án sát, bèn tố giác hành động của ông. Vì thế ông bị bắt và đưa về giữa làng Vân Cốc xử chém. Lúc chết, ông ung dung dặn lại con cái mai sau phải giết giặc trả thù cho cha.

Đời là thế, ấy đời là thế,

Hồn có thiêng cũng hé miệng cười.

Những quân dạ thú mặt người,

Quá ham danh lợi, đạo trời kể chi!

Lại gặp lúc nước suy thế ngặt,

Lũ "rước voi" ra mặt tung hoành.

Thi nhau bán nước cầu vinh,

Còn đâu nghĩ tới chút tình keo sơn.

Đó là mấy câu trong bài văn của sĩ phu tỉnh Sơn cảm khái về việc ông thủ khoa Nhuận ngộ hại.

Ông chết, nhà cửa bị tịch thu, vợ con phải phiêu bạt.

Chí khí cách mạng di truyền trong mạch máu. Cả Thấu và Hai Vịnh lớn lên, đi theo Đề Thám, mong cứu nạn nước để báo thù nhà. Sau khi Đề Thám thất bại bị giết, hai anh em họ Phùng còn ra sức thu gom tàn lực kháng chiến một hồi rồi mới bị bắt. Người

Pháp kết án khổ sai đày lên Thái Nguyên.

Bình nhật ông Đội Cấn vẫn ôm lòng ái mộ những chính trị phạm ở bên đề lao, thường tìm cách thuận tiện để thông tin và tặng hảo thuốc men quà bánh. Nhất là nghe rõ ông Lập Nham có khí tiết và có học thức quân sự giỏi, ông Đội Cấn càng đầy lòng khuynh mộ36. Vì thế hai người vẫn trao đổi thanh khí với nhau.

Nhưng sau, thật nhờ có cô em của hai chiến sĩ họ Phùng làm nội ứng, tin tức trao đổi chẳng những mau lẹ và có hằng ngày, mà cuộc khởi nghĩa cũng được sớm thực hiện, theo như kế hoạch ông Lập Nham đã định. Cô như là người phát ngôn của tất cả anh em chính trị phạm ở đề lao, khuyến khích thúc giục ông Đội Cấn mau mau thực hành đại sự.

Lúc ấy cô mới ngoài 20 tuổi, vẻ người xinh xắn có duyên, nhất là ăn nói lanh lợi, dễ cảm. Hình như cô đã có chồng ở nhà quê, nhưng có người nói chưa cưới, cô vẫn ở với lão mẫu, một mẹ, một con, nương tựa lẫn nhau. Từ lúc hai anh em bị phát vãng Thái Nguyên, thường năm vài lần bà thủ khoa sai cô lên thăm nom cấp dưỡng hai anh.

Má hồng của người thôn nữ Sơn Tây dần đà lọt vào mắt xanh thầy đội họ Trịnh.

Thấy thế, Cả Thấu và Hai Vịnh liền nghĩ ra kế thỏa hiệp, nói thật cho cô biết đại sự đang mưu tính giữa các đồng chí ở đề lao và bên trại lính. Rồi đem nghĩa lớn thù nhà nạn nước ra thuyết em, yêu cầu cô nên hy sinh giúp đỡ cho đại sự được chóng thành. Nghĩa là yêu cầu cô thuận lấy Đội Cấn, để làm người giao thông giữa ông ta với anh em chính trị phạm trong đề lao, như thế mới được kín đáo chắc chắn, Đồng thời, cô khéo tìm cách lựa lời khích lệ giục giã chồng làm sao cho việc khởi nghĩa thực hiện càng sớm càng hay; kẻo để dây dưa lâu ngày không khỏi tai vách mạch rừng, hỏng mất công việc.

Hai tráng sĩ biết rõ em gái mình cũng là hạng người có tâm huyết, hiểu đại nghĩa, cho nên mới ngỏ hết bí mật và yêu cầu cô em một việc khó khăn như thế.

Cô suy nghĩ rồi trả lời ngay một cách cả quyết, vui vẻ:

- Quả như hy sinh mà có lợi chút nào cho việc nước thù nhà, em đây chẳng dám tiếc thân!

Một lát, cô lại tiếp:

- Nhưng ở nhà chúng ta còn mẹ già, từ khi vắng mặt hai anh, chỉ có một mình em sớm thăm tối viếng. Em cần phải xếp đặt chỗ ấy cho yên ổn đã, trước khi vâng theo lời dạy của hai anh.

- Cô nghĩ rất phải! - Cả Thấu nói và giục em. Vậy thì cô về ngay nhà đi! Anh chắc thế nào mẹ già cũng khuyến khích chúng ta, chứ không cản trở.

Tức thời, cô lên đường về Sơn Tây thu xếp việc nhà và hỏi ý kiến bà thủ khoa Nhuận. Bà nghe nói đến đâu, nét mặt tỏ vui sướng đến đấy như đã tới lúc cho bà được cất một gánh nặng trong tinh thần vậy. Bà nói:

- Ai cũng có nghĩa vụ phải hy sinh với Tổ quốc, còn phải hỏi gì nữa! Huống chi còn việc thù nhà, mấy lời của cha con dặn lại trước lúc chém... Các con xét là việc có thể làm, thời cơ đáng làm, thì cứ việc làm đi!... Mẹ cầu trời khấn Phật cho.

- Nhưng anh em chúng con chỉ băn khoăn về chỗ quân thù sẽ giận cá chém thớt, để mẹ già phải liên lụy, thật không đành lòng! Cô vừa nói vừa khóc. Vả lại bây giờ con lên Thái Nguyên, mẹ ở nhà thui thủi một mình.

- Chết rồi! Sao con ông thủ khoa Vân Cốc lại yếu bóng vía thế ư?... Ở đời chỉ những lo quanh sợ quẩn thì còn làm nên trò trống gì?... Mẹ đã có cách tự thoát, các con không phải lo nghĩ!

Cách tự thoát của bà là cách nghĩa liệt như bực mẹ các dũng sĩ Chuyên Chư, Nhiếp Chính đời xưa: tự hủy mình trước đi, để cho con yên tâm làm việc, khỏi phải lo nghĩ cửa nhà.

Thật thế, ngay đêm hôm ấy, bà lẳng lặng thắt cổ tự tận, để khuyến khích các con làm việc cách mạng; giờ các con bà chỉ có việc đi thẳng tới, không còn phải bận bịu ngoảnh lại phía sau nữa.

Cô chôn cất mẹ già rồi lên thẳng Thái Nguyên, trở nên người vợ yêu dấu mong mỏi của thầy đội khố xanh họ Trịnh.

Liền đấy cô xoay xở bao thầu cơm tù cơm lính, cho được mỗi ngày hay lần ra vào đề lao, đem những thư từ tin tức của các chính trị phạm nhất là của ông Lập Nham mà ông Đội Cấn vẫn kính mến và thường hỏi ý kiến mỗi khi gặp việc khó khăn – khích lệ ông Đội Cấn đã ôm ấp chí lớn, thì nên mau mau cử sự đi, kẻo lỡ cơ hội.

Cô là người có tâm cơ, lại biết chữ ít nhiều, cho nên Đội Cấn càng tin yêu, không ngần ngại phó thác mọi viện bí mật.

Mỗi ngày cô lại đem những chuyện xa tình gần, thù nhà nợ nước tỷ tê khuyên lơn thúc giục chồng, hết sức thiết tha khẩn khoản. Hơn nữa cô lại khéo làm cho cố kết tấm lòng cộng sự của Đội Giá, Cai Xuyên là bạn đồng tâm mưu đồ khởi nghĩa với Đội Cấn.

Mùa hạ năm Đinh Tỵ (1917), hai lần Đội Cấn đã toan cử sự, nhưng giờ chót lại ra lệnh hoãn; rồi đến đêm hôm 13 tháng Bảy, lá cờ cách mệnh treo cao trên thành Thái Nguyên, cô em gái Cả Thấu và Hai Vịnh là một vai chủ động gián tiếp vậy.

Cụ nghè Tập Xuyên Ngô Đức Kế hồi đó còn ở Côn Lôn, được gặp những người thất bại Thái Nguyên bị đày ra đảo, kể chuyện tường tận, nhân thế cụ viết thành tập "THÁI NGUYÊN THẤT NHẬT QUANG PHỤC KÝ" gọi người đàn bà hy sinh ấy là hiệp nữ.

Chỉ tiếc không có ai biết rõ cái đời của hiệp nữ kết cuộc ra sao. Có người nói sau khi Quang Phục quân bại trận phải bỏ tỉnh thành Thái Nguyên rút vào rừng núi, hiệp nữ đi theo sát cánh Đại Đô đốc họ Trịnh, rồi bỏ mình ở trận Tam Đảo, khoảng cuối tháng Tám ta, cả hai người anh cũng chết ở trận ấy.

Quân Pháp đi đánh dẹp, cũng nhìn nhận mấy lúc đầu có cả đàn bà ở trong tàn binh Đội Cấn, có phải chính là hiệp nữ đấy chăng?

VI

THÁI NGUYÊN KHỞI NGHĨA

Nằm vào khoảng giữa trung châu và thượng du, núi non trùng điệp, hình thế hiểm yếu, tiện đường giao thông với Tàu, tỉnh Thái Nguyên vốn là đất thuận lợi nhiều bề cho những người anh hùng dụng võ. Cho nên ở đấy từ xưa, thường thấy binh đoàn chiến sự kế tiếp diễn ra luôn luôn. Khi thì chống cuộc ngoại xâm, khi thì làm ổ nội chiến.

Có thể nói từ những hồi lịch sử ta mới bắt đầu, rồi trải qua thời đại Bắc thuộc nghìn năm, cho đến thời đại tự chủ Đinh, Lý, Trần, Lê, dễ thường không có mấy tấn kịch chiến tranh quan hệ mà không lấy Thái Nguyên làm sân khấu. Lý Thường Kiệt đánh phá quân Tống; Nùng Trí Cao xưng hùng non xanh, nhà Trần hai phen cự giặc Hồ - Nguyên; Lê Thái Tổ đuổi Vương Thống, Trương Phụ; hai họ Trịnh, Mạc huyết chiến; Tây Sơn theo giết quân Mãn Thanh; ấy là những trận ngoại xâm nội chiến to nhất trong lịch sử, nhiều màn trọng yếu đã diễn ở trên mặt đất Thái Nguyên.

Đến khoảng cận đại, cũng trên đất hiểm ấy, Nông Văn Vân khởi binh chống cự Nguyễn triều; bọn giặc khách Ngô Côn, Hoàng Sùng Anh tràn sang nương náu quấy nhiễu; rồi tới quân Pháp cùng quân Tàu giao chiến nhiều trận để tranh lấy chủ quyền miền Bắc.

Sau khi thực dân Pháp lấy võ lực đặt xong cuộc đô hộ ở đây, ta hãy kể một thời gian từ 1885 đến 1903, những người khí khái trượng phu, ghét thù Pháp tặc: Đề Huỳnh, sau Đề Thám kế tiếp nổi lên, dựa thế núi rừng hiểm trở ở Thái Nguyên mà chống cự dằng dai, không lúc nào ngớt. Nhất là Đề Thám, ngót hai chục năm, khi trá hàng lúc quyết đấu, dù binh lực khí giới đều kém thua, cũng cứ tiếp tục kháng chiến quanh vùng mấy tỉnh Bắc Giang, Thái Nguyên, Phúc Yên, làm cho bên địch vất vả tốn kém vô số. Người

Pháp dụ mãi không xong, đánh mãi không được, đến nỗi phải dùng lối tiểu nhân là thuê mấy tên giặc khách trà trộn vào làm thủ hạ Đề Thám, thừa cơ giết chết ông ta trong khi đang ngủ. Mà rồi khoản tiền thuê mấy chú khách, bọn thực dân vỗ trơn không trả, người ta đòi hỏi thì chúng trở mặt, trục xuất cảnh ngoại.

Kế đó mấy năm, Thái Nguyên lại nổi thanh danh như cuộc khởi nghĩa của hai người anh hùng Lập Nham và Đội Cấn. Cho tới kỳ chiến tranh này, Việt Minh lập chiến khu chống cự Pháp Nhật cũng ở đấy.

Nhà thơ Tùy Viên nói đúng thật: phàm chỗ non xanh cảnh lạ xưa nay, dù muốn nhàn thân cũng không thể nhàn được; thân nó chẳng bị các ông danh sĩ thi gia đè ra ngâm vịnh ca tụng, thì lại có người anh hùng dựa nó làm sào huyệt, làm căn cứ, thi thố những việc phi thường. Giang sơn Thái Nguyên, tức là thứ giang sơn không mấy lúc được nhàn đó.

Sáng sớm hôm 13 tháng Bảy năm Đinh Tỵ, tức ngày 30 tháng Tám dương lịch 1917, dân cư hàng phố Thái Nguyên thức dậy đã thấy tỉnh thành đổi lạ quang cảnh. Ngoài phố, từng tiểu đội lính ta bồng súng đi đi lại lại có vẻ hớn hở, cánh tay đeo băng năm chữ nho "Thái Nguyên Quang Phục quân". Nhìn lên cột cờ trại lính thấy lá cờ Ngũ tinh phấp phới ngạo nghễ trước gió. Các ngả đường dán tờ bố cáo đứng tên Đại Đô đốc Trịnh Cấn, báo cho dân chúng biết rằng binh lính cách mạng ta đã khởi nghĩa đánh đuổi thực dân, khôi phục tỉnh thành.

Bấy giờ mọi người mới hiểu ra lúc nửa đêm có những tiếng súng nổ, tiếng kèn thổi, tiếng reo hò rầm rĩ ở phía trại lính khố xanh về đề lao, ấy là cuộc khởi nghĩa của lính ta mà người cầm đầu tức là Đội Cấn, do sự khích lệ bí mật của Ba Quyến, một nhà cách mạng có tiếng, đã tốt nghiệp võ bị Nhật Bản, người Pháp bắt giam trong ngục bản tỉnh hơn một năm nay.

Đội Cấn, tên thật là Trịnh Văn Đạt, người làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường, vốn nhà làm ruộng, thuở nhỏ chỉ được học chữ nho ít lâu, rồi phải ở nhà làm lụng đồng áng, giúp đỡ cha mẹ.

Năm ngoài 20 tuổi, đi ứng mộ lính khố xanh, mới đổi tên là Cấn. Vào khoảng 1909 hay 1910, lên đóng ở Thái Nguyên, lập công lao trận mạc nhiều, không mấy chốc được thăng đội trưởng.

Tính người hào hiệp, hiếu nghĩa, có lòng yêu nước âm thầm, thích nghe kể truyện Cần vương của các cụ ngày trước. Những lúc Đề

Thám tràn qua địa phận Thái Nguyên, Cấn thường sung vào đội quân đi tiễu, tuy phải bắn thì bắn nhưng trong lòng vẫn hâm mộ Đề Thám, nhìn nhận hành vi của ông này là đáng kính phục. Có lần, Cấn với một bạn đồng ngũ đã suýt đánh nhau vì chuyện Đề Thám; Cấn gân cổ cãi Đề Thám là người ái quốc, chứ không phải giặc cướp như thực dân vẫn gia tiếng cho ông.

Từ năm 1913, tỉnh Thái Nguyên, ở dưới quyền thực dân cai trị roi vọt của công sứ Darles là tên đứng đầu tứ hung, lính tráng và tù phạm đi làm cỏ vê, thường bị đánh đập tàn nhẫn; đánh tới máu thịt tơi bời, không kể sống chết. Đội Cấn thấy thế, lấy làm bất bình, chẳng những oán ghét một mình Darles, lại cừu hạn chung cả chính sách áp chế của thực dân, có hôm nói riêng với Đội Giá, bạn thân:

- Chả trách những ông đang nằm bên đề lao kia họ làm cách mạng!

Mầm chống thực dân tiềm tàng trong óc Đội Cấn từ đó, chỉ còn đợi các nhà cách mạng bên đề lao ra công tài bồi là được nẩy nở.

Đề lao Thái Nguyên lúc bấy giờ, ngoài ông Lương Ngọc Quyến, có Ba Chi, Cả Thấu, Hai Vịnh, Nguyễn Gia Cầu, ông Tú Hồi Xuân, Ba Nho, Ba Quốc,... tất cả hơn mười người trong tù quốc sự, người thì can vào vụ ném bom năm 1913, người thì là bộ tướng của Đề Thám.

Như trên đã nói, Đội Cấn có lòng kính mến những người đã vì việc nước mà bị tù tội, cho nên thường tìm cách giao thông tin tức và giúp đỡ họ, bởi vậy mấy người tù nhẹ vẫn được ra ngoài làm việc, hoặc là làm lính canh gác đề lao. Nhất là đối với ông Lập Nham càng tỏ lòng quý trọng tin phục vì Cấn hiểu rõ cả gia thế, học thức của ông, định sẵn trong trí rằng một mai khởi nghĩa tất phải nhờ ông chỉ bảo về mặt ngoại giao và quân sự.

Chính ông cũng biết Cấn là người hữu tâm với Tổ quốc, cho nên ra sức khích lệ, hứa đem hết tài năng ra giúp một khi cử đồ việc lớn. Ông dụng tâm trù hoạch ngay từ khi mới lên Thái Nguyên được mấy tháng, bí mật thông tin cho gia nhân và đồng chí ở ngoài gửi bạc trăm vào luôn luôn, dùng để cưu mang anh em trong đề lao, mua chuộc nhân tình của đám lính gác, phòng có một ngày kia mưu toan đại sự phải cần đến họ. Vì thế, trong việc giao thiệp giữa ông và Đội Cấn ai nấy đều tận tâm hiệu lực với ông, đóng vai trung gian, giữ gìn kín đáo; tai mắt thực dân khắp nơi mà chẳng hay biết gì cả.

Hai người trao đổi ý kiến nhất trí rồi, cuộc khởi nghĩa đáng lẽ thực hiện từ hồi tháng Hai ta, nhưng lại xét ra có nhiều điều bất tiện, cho nên phải trì hoãn đến mãi nửa đêm hôm 13 rạng ngày 14 tháng Bảy. Nghĩa là trước ngày dưới âm ty đại xá vong nhân, gồm có anh linh những người đã tử tiết vì nước bấy lâu. Trên dương gian, một nhóm nghĩa sĩ mạnh bạo đứng lên phất cờ giải phóng dân tộc.

Buổi chiều hôm ấy, Đội Cấn họp ba người bạn thề nguyền đồng tâm là Đội Giá, Đội Trưởng và Đội Xuyên, cùng nhau mật định cơ mưu, phân phát công việc, chỉ còn đợi giờ hành động.

Khoảng một giờ đêm, Đội Trưởng vâng mệnh đi bắt viên giám binh Noel và quản Lập. Cố nhiên Noel và quản Lập kháng cự, đội Trưởng bắn chết cả hai, cắt lấy thủ cấp làm vật tế cờ.

Tức thời Đội Cấn thổi kèn gọi tất cả lính trong bản trại ra đứng xếp hàng trước sân, đưa hai thủ cấp ra hiệu lệnh và lấy đại nghĩa "giết thù cứu nước" hiểu dụ anh em.

Lính trong trại có 175 người, độ ba chục người leo tường chạy trốn, hơn mười tên tỏ vẻ chống cự bị bắn tại chỗ; còn lại 131 người nhiệt liệt hoan hô cách mạng.

Cùng trong lúc ấy, Đội Giá chạy sang đề lao, đã có lính ta nội ứng, bắn chết viên thủ ngục người Pháp xong rồi, chặt xiềng mở khóa cho các tù chính trị, đầu tiên là ông Lập Nham; Đội giá sai mấy người lính hộ vệ ông sang ngay trại lính khố xanh nơi Đội Cấn đang chờ đợi. Một người lính phải cõng ông trên lưng, vì ta đã biết ông bị cùm ác nghiệt lâu ngày, một chân què liệt, không tự cử động được.

Đội Giá lại mở tung cửa ngục cho những tù khác cũng ra, độ ngót 200 người. Tiếng reo hò mừng rỡ vang động đề lao. Họ được dẫn về cả trại lính, để chọn người khỏe mạnh thì phát binh phục khí giới cho làm chiến sĩ, sung vào quân đội Quang Phục.

Tây đầm trong tỉnh nghe động, vội vã kéo nhau vào đồn lính ẩn nấp. Đồn này chỉ còn 40 lính Pháp và hai khẩu súng liên thanh, cho nên không dám rục rịch.

Đội Cấn mở hội đồng quân sự ngay lúc bấy giờ; toàn thể đồng chí bầu ông làm chức Thái Nguyên Quang Phục quân Đại Đô đốc, phụ trách nhất thiết việc quân; ông Lập Nham thì làm quân sư, chỉ ngồi một nơi bàn soạn chiến lược, định đoạt binh cơ, chứ không xông pha trận mạc được như mọi người.

Theo ông đề nghị, Quang Phục quân lấy cờ năm sao làm hiệu cờ cách mạng. Sáng sớm, tờ tuyên ngôn thứ nhất, dán khắp tỉnh thành, hiểu dụ cho dân trong tỉnh được rõ mục đích lính ta khởi nghĩa và khuyên ai nấy an cư lạc nghiệp. Kế đến hôm sau, tờ tuyên ngôn thú nhì, hiệu triệu cả đồng bào quốc dân, nên thừa lúc này người Pháp đang nguy khốn ở Âu châu mà vùng dậy đả đảo đô hộ, lấy lại độc lập tự do. Các ngài sẽ thấy bản dịch hai tờ tuyên ngôn này ở đoạn sau.

Cứ theo điều tra của công sứ Darles thì tờ tuyên ngôn thứ nhất do các đồng chí khởi nghĩa họp nhau thảo ngay lúc đêm, có ông Lập Nham nhuận sắc; còn tờ thứ hai thì một tay ông viết.

May đời cho tên đầu đảng tứ hung đi Đồ Sơn vắng mà được khỏi chết đêm hôm ấy, vì anh em cách mạng đã bàn định từ mấy hôm trước, sẽ lấy đầu tên thực dân tàn bạo ấy tế cờ khởi nghĩa.

Tảng sáng hôm sau, phần lớn tỉnh lỵ Thái Nguyên đã về tay nghĩa binh chiếm lĩnh. Cờ Ngũ tinh treo trên nóc trận; ngoài cổng chăng ngang tấm vải đề bốn chữ to "Nam Bình Phục Quốc". Từng tiểu đội nghĩa binh chia nhau canh gác các công sở, tuần phòng hàng phố và đường sá giao thông. Bởi vậy, dân cư hàng phố sáng sớm thức dậy đã thấy non sông trở về bà con ta làm chủ. Có điều khá tiếc là nghĩa binh đến nhà bưu điện hơi trễ, thành ra viên chủ sự đã kịp đánh dây thép37 cao cấp về Hà Nội trước khi đường thông tin bị cắt đứt.

Tính ra nghĩa binh lấy được trong kho bạc tất cả 71.000$. Trừ số khí giới trong trại lính có sẵn, nghĩa binh lấy thêm được 167 khẩu súng trường, 1 khẩu súng lục, 15 thanh gươm và 62.125 viên đạn, nghĩa là đủ số khí giới cần dùng phân phát cho hai đội quân mới tổ chức, gồm những tù phạm khỏe mạnh vừa thả trong đề lao ra và một số thường dân vừa mới ứng mộ. Nhưng đến khi phải giao chiến, duy có đám lính nhà nghề cùng mấy người tù chính trị đã có kinh nghiệm chiến đấu, là dám đương đầu kịch chiến, khiến lính Pháp phải kiêng dè, còn lính mới mộ thì bỏ chạy tứ tán hoặc phải ra hàng ngay trong mấy trận giao phong đầu tiên.

Nghĩa binh làm chủ tỉnh lỵ Thái Nguyên từ đêm hôm 30 tháng Tám dương lịch cho đến trưa mồng năm tháng 9, trước sau 7 ngày.

Từ hôm mồng 2 trở đi, ngày nào quân địch cũng tấn công dữ dội. Nghĩa binh đào hào, đắp lũy, ứng chiến rất hăng. Những đường giao thông với tỉnh lỵ, ta đều mai phục khôn khéo, cố chẹn quân

giặc tràn vào. Thò toán giặc nào mạo hiểm vào tỉnh, đều bị đón rước bằng những loạt súng bắn rất trúng đích, chết gục hai bên lề đường.

Hai ngày đầu, Pháp bị tổn hại khá nặng; trận nào cũng bị nghĩa binh đánh hắt ra, không thể đặt chân vào trong tỉnh.

Nhưng chúng quyết lấy lại tỉnh thành, đem hơn 500 lính đủ các súng liên thanh, đại bác, khởi từ chiều hôm mồng 4, đồng thời hai mặt tấn công bắn vào trận tuyến của nghĩa binh dữ dội.

Nghĩa binh chống lại cực kỳ anh dũng, nhưng vì quả bất địch chúng, vừa kém khí giới, vừa không có tiếp viện thành ra mới mệt, núng thế. Hàng ngũ cách mạng chỉ có độ 300 chiến sĩ, giao chiến với giặc đã mấy đêm ngày vất vả, giờ phải chống cự ngót nghìn quân địch thừa thãi khí giới và tập luyện đã quen, ta đuối sức thua trận không phải sự lạ.

Đến trưa mồng 5, ông Đội Cấn liệu thế không giữ nổi, truyền lệnh cho quân sĩ bỏ tỉnh thành lục tục rút đi.

VII

HAI BÀI HỊCH CỦA CÁCH MẠNG QUÂN

Từ hồi nửa đêm khi bắt đầu khởi nghĩa, qua ngày hôm sau, Thái Nguyên cách mạng quân công bố hai bản tuyên ngôn có tính cách như hai bản hịch văn kể tội trạng Pháp thực dân vè kêu gọi đồng bào ủng hộ cách mạng.

Theo lời những người có dự vào cuộc khởi nghĩa lúc bấy giờ - và sau người Pháp điều tra cũng thế - bản tuyên ngôn thứ nhất phát biểu vào hồi nửa đêm, nghĩa là lúc Thái Nguyên Quang Phục quân tuyên bố thành lập. Người khởi thảo hình như ông Tú Hồi Xuân, ông Ba Quyến nhuận sắc lại, từ trong đề lao hôm trước? Bản tuyên ngôn thứ nhì, sáng hôm sau công bố; công sứ Darles bảo là tác phẩm riêng của ông Ba Quyến. Song có thuyết nói cũng là một bạn chính trị phạm trong khám đã phụ trách thảo ra, chứ không phải là ông Ba Quyến, vì sau lúc khởi nghĩa, công việc chăm chú của ông là lo nghĩ kế hoạch tác chiến, không có thì giờ bụng dạ nào viết văn.

Chúng tôi thiết nghĩ phải vì sự thật mà ghi lấy cả hai thuyết như vậy, đợi sau có dịp chất chính.

Hai bản tuyên ngôn cùng đứng tên Đại Đô đốc Trịnh Cấn và có lẽ nguyên văn đều viết bằng quốc ngữ, cốt để cho tất cả đồng bào dễ xem, nay chỉ còn bản dịch ra chữ Pháp mà chúng tôi dịch lại sau đây.

Sau cuộc đảo chính mồng 9 tháng Ba, chúng tôi đã nhờ người tìm lấy nguyên văn ở trong kho văn thư của Chính phủ đô hộ, nhưng cũng không thấy. Có lẽ lâu ngày lẫn lộn đâu mất, hay là đã bị tiêu hủy đi rồi.

Có người biết rõ mỗi bản tuyên ngôn lúc ấy Quang Phục quân có dịch ra Hán Văn, sai chép nhiều bản để gửi đi các tỉnh, cốt hiệu triệu sĩ phu. Không biết có ai giữ được bản ấy, tức là một tài liệu quý hóa để góp vào Việt Nam cách mạng sử.

I
TUYÊN NGÔN THỨ NHẤT, PHÁT HỒI NỬA ĐÊM, LÚC MỚI KHỞI NGHĨA

Đại Hùng đế quốc năm thứ nhất, tháng Bảy, ngày 14, Thái Nguyên tỉnh, Quang Phục quân.

Đại Đô đốc Trịnh... bố cáo cho dân chúng đồng bào được biết:

Nước Việt Nam mà ngày nay gồm trong cõi Đông Dương, nguyên xưa là đất Tương quận (?).

Dân tộc ta vốn dòng dõi rồng tiên. Ruộng đất ta phì nhiêu, dài mấy trăm muôn dặm, đầy những núi non linh tú. Kể từ Hồng Bàng lập quốc đến giờ, lịch sử truyền nối hơn 4.000 năm, trải qua các triều đại Kinh Dương vương, Đinh Tiên Hoàng, Lê Đại Hành, Lý, Trần, Hậu Lê rồi đến bản triều Nguyễn thị, mỗi đời kế tiếp mở mang bờ cõi thêm to, điểm tô non sông thêm đẹp. Phải biết tổ tiên ta đã tốn bao nhiêu thông minh, bày tỏ biết bao nhiêu nghị lực, hy sinh biết bao nhiêu máu thịt, mới xây dựng lên được giang sơn gấm vóc này để lại chúng ta.

Chẳng may đến giữa thế kỷ thứ XIX vừa rồi, Pháp tặc ở Âu châu, giả lấy danh nghĩa thông thương truyền giáo cướp mất hương hỏa quý hóa của ta.

Thừa cơ lúc đó triều đình ta còn mài miệt trau dồi lối học khoa cử từ chương, không lo gì võ bị, chúng giở ngay thủ đoạn bạo ngược xâm lăng nước ta. Thoạt tiên chiếm đoạt sáu tỉnh Nam kỳ, rồi sau dần dần sinh chuyện cướp nốt Trung, Bắc. Chúng ra tay tàn sát những người có nhiệt tâm yêu nước, phá hủy đền đài thành quách ta, bóc lột tiền tài sản nghiệp ta.

Cũng may, ta còn có những bậc anh hùng chí sĩ, những người danh vọng tài năng, biết đồng tâm hiệp lực, kháng cự lũ giặc ngoại xâm. Binh lực chẳng có mấy, khí giới rất tầm thường, thế mà các nhà cách mạng tiên phong ấy đã từng chiếm giữ được ít nhiều chỗ hiểm yếu để làm căn cứ mà đương đầu với giặc khá lâu. Ta kể ví dụ như ông Hoàng Hoa Thám một thời oanh liệt ở Nhã Nam, hay ông Phan Đình Phùng mười năm kháng chiến ở Hà Tĩnh, ấy là chứng cớ hiển nhiên.

Có điều, các vì dân tộc ấy có chỗ thủ hiểm vững vàng mà không gặp được thời cơ may mắn; đến nỗi ngoại viên là thứ rất cần dùng thiết yếu mà cũng không có. Thành ra khí giới thiếu thốn, lực lượng yếu dần, trước sau đều bị quân địch tiêu diệt. Từ đó tới nay, tấm gương anh dũng của các cụ tiền bối, không thấy người nào có đủ tài lực nối chí làm theo.

Ngoài những hạng người lỗi lạc hy sinh như thế, trong xứ ta còn lại toàn là anh em quê mùa, chất phát, vô học, nhắm mắt chịu ép một bề. Thực dân không còn trở lực gì phải kiêng kỵ nữa, tha hồ hoành hành bạo ngược, thôi thì phá hoại ngay những luật lệ tự chúng đặt ra; áp dụng những thói bán quan buôn chức; tìm đủ cách làm cho nòi giống ta càng ngày càng đi đến họa diệt chủng; kết án cực nặng; hành vi tột bực dã man; luôn luôn nói chuyện hứa hẹn khi trả. Lại còn tàn nhẫn đến nỗi khai quật cả lăng tẩm một vị tiên đế bản triều[38] để lấy vàng bạc châu báu, truất ngôi hai vị hoàng đế ta, đưa đi an trí ở một hoang đảo thật xa.[39]

Kể từ khi hạ thành Hà Nội tới giờ, chúng đã tự do thay đổi ngôi vua nước Nam ba lần trong khoảng ba chục năm, mà không đếm xỉa gì đến dân tâm dự luận.

Thuế má thì mỗi ngày một tăng lên mãi, bà con ta chỉ lo đóng góp cũng đủ chết. Mỗi người dân Việt Nam, như phải tròng cổ vào sợi dây, càng ngày càng xiết chặt thêm; mười nhà hết chín lâm vào cảnh khốn cùng ghê gớm.

Vạn nhất có người nhiệt tâm với quốc gia, hơi ra mặt chống chính sách đô hộ, liền bị tố giác với quân thù, làm cho sở nguyện phải bị đè nén chôn vùi tức tốc.

Chao ôi! Mỗi khi tưởng nhớ cơ nghiệp tổ tiên đã đổ bao nhiêu máu đào mới xây dựng nên, mỗi khi nghĩ đến tình cảnh nước nhà bấy lâu gian truân khốn khổ, chúng ta thấy bầm gan tím ruột, thương xót vô cùng.

Chúng ta nhẫn nhục đã tới cực điểm, tấc lòng bi thống giang sơn chủng tộc sôi nổi như nung như đốt.

Kẻ thù ta hiện đang bị công kích ở Âu châu; chúng bắt người mình đem sang bên Tây làm bức tường đỡ đạn; chúng bóc lột tài sản xứ sở mình để tiếp tế quân nhu. Bà con ta bị bắt đem sang Tây từ mấy năm nay, tội nghiệp người sống phải trần lực ra làm lụng vất vả, người chết cũng chẳng được chôn cất tử tế. Thương hại con côi vợ góa ngồi trong nhà kêu van, ông già bà lão ra ngoài đường khóc

lóc. Tình cảnh nước nhà đau khổ không thể tưởng tượng. Những nỗi đau đớn kể sao cho xiết. Tóm lại, cái kiếp sống của dân ta điêu đứng đến nông nỗi này, không tài nào cam chịu được nữa.

Nước ta khổ sở kiệt quệ, sống dở chết dở, cảnh ngộ có khác gì một sợi chỉ mong manh sắp đứt; chịu đựng đau đớn nhiều quá, bà con nhà ta như kẻ nằm liệt trên giường bệnh, hấp hối tắt hơi.

Phen này chúng ta ra sức phấn đấu để khôi phục độc lập cho Tổ quốc, nếu bất hạnh mà mục đích không đạt, đại công không thành, thì cuộc đời hết cả sinh thú, chúng ta cũng chẳng thiết sống làm gì cho nhục nhằn, khốn khổ.

Bản chức, Thái Nguyên Quang Phục quân Đại Đô đốc, từ trước tới nay không hề có giây phút nào quên lãng nỗi khổ của đồng bào dân chúng; ngay những khi còn sống lam lũ ở chốn thôn quê làm nghề cày ruộng, lòng hằng băn khoăn, tức tối về thảm họa vong quốc. Nhiều lần ta đã lập tâm xướng nghĩa khởi binh, tuốt gươm giết giặc; nhưng rồi lại phải ngậm hờn khoanh tay, là bởi ta chưa gặp thời cơ nào thuận tiện cho được thực hành chí muốn. Vì thế ta đành ẩn nhẫn ra đi lính tập; hơn mười năm trường được sống chung chạ với bao nhiêu anh em cường tráng nước nhà mà phải ngậm miệng làm thinh, nhưng lúc nào ta cũng nuôi hoài bão cừu thù Pháp tặc, chớ hề biến tâm thoái chí. Từ trước tới đây, chỉ bởi lực lượng chưa đủ, ngoại viện chưa có, theo như ý ta mong mỏi, cho nên ta chưa muốn mưu toan đại sự một cách chơ vơ tháo thứ.

Hôm nay thời cơ đã đến, trong nước thì có những bạn đồng tâm đồng chí cùng ta tuốt gươm chĩa súng đánh giết quân thù; bên ngoài thì có những nhà cách mệnh ta bấy lâu trú ngụ bên Tàu, bên Nhật, giờ này sắp sửa đem quân nhu khí giới về giúp ta, hợp lực với ta đánh đuổi Pháp tặc.

Ta chiêu tập những anh em có tinh thần tự do độc lập, có nhiệt tâm yêu nước thương nòi, lập thành những đạo binh cứu quốc, và hôm nay ta bắt đầu khôi phục lấy tỉnh Thái Nguyên. Lá cờ năm ngôi sao đã kéo lên phấp phới trên kỳ đài, ta đã tuyên bố Thái Nguyên độc lập.

Cùng là con dân nước Việt Nam, chúng ta phải coi nhau như anh em ruột thịt một nhà. Vậy ai là người thông minh, học thức, có thể đến đây vì ta trù mưu hoạch sách, làm những việc ích lợi chung, ai là người có sức khỏe mạnh thì mau mau đem bắp thịt cánh tay đến giúp đỡ ta trong cuộc chiến đấu.

Anh em ta cố sức phấn khởi phen này, đồng tâm hiệp lực, đả đảo quân thù.

Những ai đứng vào hàng ngũ ta, cùng ta tuốt gươm giết giặc, ta rất hoan nghênh, ta để cho mỗi người được thi thố tài năng sáng kiến trong cuộc tranh đấu tự do độc lập chung.

Còn những kẻ nào vẫn manh tâm nô lệ, phò tá quân thù, thì hãy coi chừng, ta sẽ lấy đầu không tha!

Nay bố cáo,

(Ký tên và đóng dấu son)

II
TUYÊN NGÔN THỨ NHÌ, SÁNG HÔM LẤY XONG TỈNH THÀNH, CÔNG BỐ ĐỘC LẬP

Đại Hùng đế quốc năm thứ nhất tháng Bảy ngày 14, Thái Nguyên tỉnh Quang Phục quân

Đại Đô đốc Trịnh... bố cáo đồng bào Việt Nam được biết:

Than ôi! Trời giáng tai họa, nước Nam nghèo nàn. Trận gió xâm lược từ Tây phương thổi tràn sang Đông, nhiều thế hệ ta bị lôi cuốn tiêu diệt bới nó.

Kể có năm chục năm nay, cơ đồ hương hỏa chúng ta trơ trụi giống như một bãi sa mạc; những tinh hoa trong nước phải sống một cuộc đời nô lệ bi thảm; bốn mươi triệu anh chị em đồng bào khóc than rền rĩ với nhau như đang ở trong nước sôi lửa nóng; tình cảnh Tổ quốc đồng bào khiến cho những chiến sĩ ái quốc phải động lòng xót xa.

Bao nhiêu nỗi khổ sở bấy lâu Trời hành chúng ta, hôm nay là hết.

Đấng Hoàng thiên bắt chúng ta phải chịu đau đớn để thử tinh thần khí tiết chúng ta, nay ngày rủ lòng đoái thương, muốn trả cho chúng ta mọi sự sung sướng thịnh vượng.

Bên ngoài, ta có những bậc tài năng lỗi lạc đã hấp thụ ánh sáng ở các nước văn minh ngoại dương giờ đem ánh sáng về soi đường dẫn bước cho ta tiến hành; trong nước thì có những người nhiệt tâm học thức, đem ra áp dụng vào việc báo thù cứu quốc.

Năm Mậu Thân chúng ta đã giết quân thù ở giữa Hà Nội40 làm

cho chúng kinh hồn hoảng vía.

Năm Kỷ Dậu, cuộc khởi nghĩa ở Lạng Sơn41 khiến lòng phẫn uất của người mình được hả hơi ít nhiều.

Ngoài ra, phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục42 đã khích thích tinh thần ái quốc một độ rất sôi nổi; tỉnh Quảng Nam nổi lên phản kháng sưu thuế43; một người học sinh mạo hiểm ném bom giữa thành phố Hà Nội44; trong Nam kỳ, Xích Long kéo cờ xướng nghĩa, chống cự kẻ thù45. Tóm lại, chúng ta vì văn minh vì chủ quyền của Tổ quốc ra sức phấn đấu hơn mười năm nay, tinh thần ái quốc càng ngày càng mạnh. Những việc làm nỗ lực cứu quốc của ta đã khiến cho quân thù khiếp đảm, đồng thời lại gọi được hồn độc lập của quốc dân tỉnh ngộ phấn phát.

Hiện thời cả Âu châu đang rối ren lục địa, tàn sát lẫn nhau. Pháp đương nguy khốn ở ngay trong đất nước chúng. Anh với Nga đã cùng Đức giảng hòa riêng, thế là Pháp cô lập, mất hai tay tả phù hữu bật trọng yếu. Thổ với Áo đã chẹn ngang quân Ý để tiến binh vào đất Pháp, đánh giữa chỗ chí mạng; thành Ba-le46 không thể giữ nổi, sắp mất đến nơi.

Bản thân Pháp đã nguy ngập đến thế, làm sao còn khoe khoang bảo hộ chúng ta được không biết?

Vậy ta nên nhân lúc Pháp yếu thế, thừa lấy cơ hội hiếm hoi thiên tải nhất thì47 này mà báo thù tuyết hận, khôi phục giang sơn.

Nay phụng mệnh Hoàng đế, ta tổ chức quân đội, hợp lực trong ngoài nhất quyết đánh đuổi quân thù ra khỏi đất nước. Ta đã liên kết với Trung Quốc; võ quan với quân sĩ ta từng chịu huấn luyện binh học tân thời ở các trường võ bị Trung Quốc và Nhật Bản, ai nấy đã trải nhiều chiến trận, kinh nghiệm quân sự, phen này cùng hăm hở đem tài học và tính mạng về, sẵn sàng hy sinh cho Tổ quốc.

Với mười muôn hòm súng đạn và một ngàn phi cơ ở ngoài đem về ta sẽ đánh quân thù những trận đòn sấm sét; chỉ trong nay mai, ta sẽ chiến thắng thành công.

Quân đội cách mạng ta có nghĩa vụ với dân với nước, quyết không sách nhiễu và không tơ hào xâm phạm đến tài sản của dân; bất cứ trong lúc hành binh hay khi đồn trú nơi nào, Quang Phục quân chỉ có một việc là thu phục bờ cõi của tổ tiên, giết trừ quân giặc bạch chủng, để cho toàn thể quốc dân đồng bào được hưởng độc lập tự do, an cư lạc nghiệp.

Hỡi đồng bào! Một Quốc gia tân tạo, vững bền thiên thu vạn tuế, bắt đầu xây dựng tự ngày hôm nay. Toàn thể đồng bào cùng có trách nhiệm tháo ách nô lệ đè đầu đè cổ chúng ta bấy lâu.

Nay bố cáo.

(ký tên đóng dấu son)

VIII
ANH HÙNG MẠT LỘ

Những người lính dự cuộc Thái Nguyên khởi nghĩa, về sau bôn ba thất trận, bị án đày ra Côn Lôn năm sau (1918), được các anh em tiền bối trên hải đảo săn đón hỏi chuyện suốt mấy đêm ngày. Các cụ cho việc Quang Phục Thái Nguyên 7 ngày là một việc thống khoái mà họ lại chính là người trong cuộc.

Cụ nghè Ngô Đức Kế thuật lại rằng họ vừa kể chuyện vừa thổn thức, nhớ lại bảy ngày độc lập tự do đã hưởng, nhớ lại cái kết cuộc bi tráng của các đồng chí Lập Nham, Đội Cấn, và tất cả anh em đã cùng nhau phiêu lưu chuyển chiến với giặc trong mấy tháng trời, khi ở đồng bằng, lúc giữa non xanh rừng rậm.

Họ nói Đội Cấn vẫn ôm chí lớn, nhưng sự thật có Lập Nham khích thích mới quyết định khởi nghĩa; đến lúc khởi nghĩa rồi, Đội Cấn họp ngay các bạn đồng chí phụ trách để bàn định phương lược tiến hành bây giờ nên như thế nào?

Có hai chủ trương. Một phái chủ chương nên thừa lúc bên địch chưa kịp hay biết đề phòng gì cả, ta chia binh đi đáng ít nhiều đồn ải phụ cận, như Cao Bằng – Lạng Sơn lấy đường giao thông với các đồng chí bên Tàu và mở rộng phạm vi, tăng thêm lực lượng cách mạng. Anh em binh lính các nơi ấy theo Tây chỉ vì thế bách mà thôi, nay thấy ta đến, tất nhiên dũng dược[48] hưởng ứng. Cốt sao có nhiều địa điểm đồng thời khởi nghĩa như ta, để làm thanh viện cho nhau và chia sức đối phó của quân địch ra nhiều nơi. Có tự gây nên một lúc kháng chiến cho mạnh thì dân chúng mới giúp, ngoại viện mới có và đại sự mới thành.

Phái thứ hai phản đối, chủ trương cần phải giữ Thái Nguyên làm gốc, đào hào đắp lũy, hễ chúng đến xâm phạm thì ta đánh. Có vài ba trăm quân lính thế này, làm sao nhất thời chia đi đánh lấy đồn

ải phụ cận mà chắc được thành công như ý?

Hai phái chống nhau kịch liệt. Đội Cấn theo ý ông Lập Nham ngả theo thuyết thứ hai và ra lệnh cho quân cố thủ.

Đến trưa hôm mồng năm tháng 9 dương lịch, tỉnh thành thập phần nguy cấp. Quang Phục quân được lệnh bỏ tỉnh thành lục tục ra đi. Đội Cấn đã xếp đặt võng cáng sẵn sàng, để đưa ông đi theo quân. Ông khảng khái từ chối, không muốn đi theo quân để anh em chiến sĩ phải bận lòng vì mình, phải chậm trễ trên đường bạt thiệp bôn ba, mỗi bước có giặc theo sau, mỗi bước phải quay lại cự địch. Ông quyết định chết ở Thái Nguyên, lấy hồn tiễn đưa các chiến sĩ. Sau mấy câu văn tắt yên ủy mọi người, ông nói với Đội Cấn, thành thực và tự nhiên:

- Ông bắn hộ một phát vào giữa ngực cho tôi khỏi trông thấy thực dân giày xéo lên lá cờ cách mạng!

Bất đắc dĩ, Đội Cấn phải làm theo ý muốn ấy. Một tiếng súng nổ. Bộ đội Quang Phục quân sau chót do Đội Cấn chỉ huy đứng xếp hàng làm lễ chào di thể vị anh hùng như đối với một vị tướng tử trận; xong, đào hố chôn lấp tử tế và san phẳng mặt đất, rồi mới từ giã tỉnh thành kéo đi.

Thật là một đời hy sinh với cách mạng; sống tận tụy chết bi tráng.

Ông cử Dương Bá Trạc có bài thơ khóc bạn Lập Nham như sau này, nhiều người còn truyền tụng:

Đoạn tuyệt gia đình với núi sông,

Phất cờ Đông học trẩy tiên phong,

Lục quân Nhật Bản tinh thao luyện,

Chiến địa Trung Hoa thỏa vẫy vùng.

Bắc Hải vẫn ghi lời thoại biệt,

Long Xuyên bao xiết truyện trùng phùng.

Thái Nguyên độc lập năm ngày trọn[49].

Cho biết tay đây cọp xổ lồng.

Giờ ta đi theo Đội Cấn và tàn quân Thái Nguyên, cho biết cuộc khởi nghĩa do ông Lập Nham tinh thần chủ xướng đi đến chỗ tiêu

diệt ra thế nào?

Sự thật, nghĩa binh đã rút lần đi từ đêm hôm trước; đến 3 giờ chiều 5 tháng Chín, thì Đội Cấn và bộ đội sau chót ra khỏi tỉnh thành, chạy về ngã Hùng Sơn.

Quân Pháp thừa thắng đuổi theo bén gót.

Từ đây trở đi, nghĩa binh cứ phải vừa đánh vừa chạy, hết sức gian nan lao khổ. Khi thì hợp nhất tạm thì, khi thì tản mác ra hai ba toán nhỏ, mỗi toán đi một đường, không liên lạc cứu ứng được nhau. Bất cứ một toán nghĩa binh nương náu chỗ nào, liền có quân địch đến vây bọc đánh phá chỗ ấy. Thành ra đêm phải ứng chiến luôn tay, chỉ những hồi hộp lo chạy, không mấy lúc được yên nghỉ. Mỗi bước chân có giặc dính theo.

Binh số và đạn dược mỗi ngày một giảm ít đi.

Nhờ có số tiền lớn đã lấy được ở kho bạc, cho nên bây giờ bôn ba, vấn đề lương thực không phải lo mấy. Đêm đến đóng quân ở làng nào, phàm mua đồ ăn thức dùng của dân, nghĩa binh đều trả tiền sòng phẳng rộng rãi.

Đại khái là từ 13 tháng Chín cho tới mồng 1 tháng Mười dương lịch, nghĩa binh quanh quất ở miền Vĩnh Phúc, Vĩnh Yên, Bắc Ninh và có khi gần đến Hà Nội.

Chủ ý ông Đội Cấn muốn đem thủ hạ tìm đường qua Sơn Tây lên Hòa Bình, lấy rừng núi thủ hiểm, chống nhau với quân Pháp; nhưng họ chẹn hết đường lối không để cho nghĩa binh thực hành được chiến lược thủ hiểm theo như ý muốn. Có hôm, ông với thủ hạ đóng ở một làng ở chân núi Tam Đảo, thiếu chút nữa tất cả thầy trò cùng nguy, sau nhờ ai nấy cùng liều chết đánh giải vây mới được thoát hiểm, lại đánh quân địch nhiều trận tổn hại nặng nề; chính họ tự nhận như thế.

Từ mồng 1 tháng Mười dương lịch cho đến 20 tháng Giêng năm 1918, nghĩa binh trở về sơn phận Thái Nguyên; quân địch theo dõi ráo riết. Đôi bên nhiều phen kịch chiến, có lẽ to nhất là trận đánh nhau ở Đèo Nứa giữa hôm mồng 6 tháng Giêng.

Trận ấy, nghĩa binh đào chiến hào và nấp những bụi rậm trên cao bắn xuống rất trúng đích, giết hại quân giặc khá nhiều. Một viên tướng địch là Đại úy Salel đứng trên chỏm đồi lân cận, hô gọi nghĩa binh đầu hàng sẽ được nhà nước khoan dung xá tội cho. Nghĩa binh trả lời bằng đạn và nhiếc mắng tướng địch thậm tệ.

Tuy nhiên, mỗi trận giao chiến, dù thắng hay bại, nghĩa binh cũng phải hao hụt thêm một số người, một số đạn dược, mà hao hụt bao nhiêu tức là mất đứt bấy nhiêu, không lấy đâu bù đắp được.

Hôm mới ở tỉnh thành Thái Nguyên ra đi, nghĩa binh có tới ngót 300 người, thanh thế khá to. Nhưng rồi giữa đường giao chiến liên tiếp, chết lần chết mòn, phần nào kiệt lực ra hàng, phần nào thất bại bị bắt, đến ngày 20 tháng Chạp tây, nghĩa là ba tháng rưỡi sau, trở về đóng tại Pháo Sơn, chung quanh Đội Cấn chỉ còn vèn vẹn 25 tay súng.

Quân Pháp vây bọc Pháo Sơn. Đồng thời, đưa bà mẹ già cùng vợ con Cấn ở quê quán Vĩnh Yên đến, nỉ non vào khóc dưới chân núi, một hai khuyên nhủ Cấn đầu hàng bảo hộ. Không thèm trả lời, Cấn hô thủ hạ nhắm vào quân thù mà bắn như mưa, tỏ mình không để cho giặc đánh được mình bằng trận tình cảm.

Trái lại, Đội Trường lại không có tinh thần cương quyết như thế. Va được gặp mặt vợ trong rừng hôm nay, ngày mai lén xuống núi vác súng ra thú. Các ngài hẳn nhớ Đội Trường là một trong ba viên phó tướng của Cấn.

Qua ngày hôm sau, quân địch tấn công dữ dội.

Hai bên đánh nhau rất hăng.

Trận này Cấn trúng đạn trọng thương ở đùi, nhưng vẫn nhịn đau cầm quân đánh giặc, mai phục trên núi, cản trở quân địch không sao lên núi được.

Trong lúc cầm cự ở Pháo Sơn, Cấn có ý muốn tìm một hiểm địa ở vùng Yên Thế có thể cố thủ lâu ngày, như Đề Thám lúc nọ, để lấy chỗ dưỡng tinh súc nhuệ, rồi tìm cách tái khởi. Ông sai hai viên bộ tướng tin cẩn là Đội Giá và Cai Xuyên dẫn một tốp thủ hạ lén đi xem xét địa thế, định rằng hai người tìm ra chỗ hiểm ấy rồi, bấy giờ Cấn sẽ phá vây Pháo Sơn mà đi.

Song cả Xuyên lẫn Giá vừa xuống khỏi chân núi thì hành tung bại lộ; quân địch theo dõi đêm ngày, khiến hai người phiêu bạt không tới được Yên Thế mà cũng không thể trở về Pháo Sơn.

Đến ngày mồng 5 tháng Giêng (1918) Cấn chỉ còn có bốn thủ hạ bên mình là Ba Nho – tù quốc sự, hai người lính và tên Sỹ – một người thường dân đi theo nghĩa binh từ đầu.

Vừa tuyệt vọng vừa đau nhức ở chỗ bị đạn, Cấn biết đại sự hỏng rồi, không còn cách gì gượng gạo cứu chữa được nữa, mà nếu để quân giặc bắt được thì mang nhục; ông bèn quyết ý tự sát, dặn dò mấy người kia chôn lấp thi thể mình rồi, nên xuống núi đầu hàng quân địch.

Tức thời ông quay súng tự bắn vào bụng mà chết.

Sau khi ông chết, Ba Nho và hai người lính khóc thảm thiết cùng tự vẫn bên cạnh chủ tướng mà họ tiếc thương vô cùng.

Tên Sỹ đào lỗ, chôn cả bốn người một huyệt luôn với các thứ khí giới vật dụng của họ rồi đi ra thú. Hắn nói với Pháp rằng chính hắn đã giết Cấn để báo thù cho anh vì Cấn đã truyền lệnh bắn anh hắn là xà Đoàn, làng Hoàng Xá hạ.

Pháp xét ra Sỹ nói láo để mong lập công lĩnh thưởng. Thật sự Cấn đã tuyệt vọng, tự sát, cho khỏi phải cái nhục người Pháp bắt sống.

Cấn chết rồi còn dư đảng là Đội Giá, Cai Xuyên và một ít tàn quân, gượng gạo cầm cự đến tháng Ba cũng bị tiêu diệt. Thế là hết Thái Nguyên Quang Phục quân.

Người được gần gũi quen biết, đều nói Cấn nhã nhặn giản dị, không ưa chương hoàng bề ngoài. Những lúc các phó tướng như Đội Trường, Cai Xuyên, được ông phong chức đại tá, đại úy, mặc ngay nhung phục đeo gươm cưỡi ngựa đi quanh hàng phố, trông rất oai nghiêm; còn quan Đại Đô đốc Quang Phục quân chỉ mặc bộ đồ ka-ki, đầu đội mũ dạ, tay chống can, giao tiếp với mọi người luôn luôn niềm nở. Trong quân gọi ông là "quan chánh" khi chiến trận bôn ba cũng giữ luôn y phục xềnh xoàng, cử chỉ giản tiện như thế.

Đến can đảm và bình tĩnh thì ai cũng phải phục. Mỗi khi ra trận xông pha trước hàng tướng sĩ, dù đạn bay vi vút tứ phía cũng vẫn ngang nhiên đứng thẳng mình, mắt chiếu ống nhòm, miệng ra hiệu lệnh, xem sự nguy hiểm như không vậy.

Bất cứ đóng quân ở làng xóm nào, việc ông cần lo trước hết là sai đào chiến hào tìm chỗ hiểm yếu đề phòng chống cự quân địch tới đánh bất thình lình; xong rồi mới nghĩ đến sự ăn uống. Ông chi tiền, bảo dân làng mổ lợn thổi cơm cho bộ hạ ăn uống xong xả; tự ý họ muốn đi báo hay không cũng được, vì nghĩa binh đến trú ngụ làng nào mà người sở tại không đi trình báo, về sau phát giác, quân Pháp làm phiền nhiễu đủ thứ. Muốn cho dân làng khỏi hệ lụy và không trách được nghĩa binh, ông để cho họ tùy tiện.

Đến lúc bị vây trên Pháo Sơn, sự thế đã rõ ràng thất bại và tuyệt vọng, ông giục mấy người bộ hạ bắn hộ mấy phát cho xong đời, nhưng họ thương xót không nỡ, tức khắc ông khảng khái tự sát, không chịu để kẻ thù bắt sống được mình đem về kết án làm nhục.

Người ta nói Nguyễn Thái Học sau này tức là con đẻ tinh thần của ông Đội Cấn. Đời cách mạng của Học thực hiện bởi lòng hâm mộ Đội Cấn mà vụ Yên Bái chịu vang bóng của vụ Thái Nguyên rất nhiều. Chính Học kể chuyện mình lúc nhỏ, cùng một vài bạn trẻ đi chơi, thường sang bên làng ông Đội Cấn cho được nghe những dật sử của ông, lấy thế làm thích. Bà lão mẫu của nhà khởi nghĩa Thái Nguyên ôm lấy mấy cậu bé, khóc lóc và nói:

- Các cậu hãy lo trả thù cho con già!

Học thấy trong tâm mình nôn nao và nẩy ra tư tưởng cứu quốc từ đấy50.

Năm 1930, tuy Học chưa trả thù hộ con bà lão mẫu làng Yên Nhiên, nhưng đã theo gương ông Đội Cấn mà diễn lại khởi nghĩa Thái Nguyên vậy.

IX

BA THIÊN VĂN CHƯƠNG TUYỆT MỆNH CỦA NGƯỜI ANH HÙNG

Sinh bình ông Lập Nham không thích lối học từ chương, cho nên ít ngâm vịnh thơ phú, chẳng để tâm chí vào công phu mài vần gọt chữ như bạn đồng thời.

Mặc dầu sinh vào một gia tộc mà cha anh chú bác đều xuất thân khoa cử và giữa thời đại từ chương khoa cử vẫn đang thịnh hành, ông chỉ theo đuổi cho đến khoảng 15, 17 tuổi, đi thi một khoa không trúng thì thôi. Lúc quăng lều chiếu ở trường Nam trở về, được đọc những tân thư bên Tàu mới truyền bá sang, liền tỉnh ngộ lối học khoa cử không có kết quả gì khác hơn là giết chết dũng khí tiến thủ của tuổi xanh và thả trôi ngày giờ vào công việc mài dũa hư văn vô ích.

Không bao lâu ông xuất dương, nghiên cứu binh học ở Nhật, rồi về Trung Hoa phục dịch trong quân đội cách mạng, nếm trải đủ mùi bôn ba nguy hiểm và sinh hưởng thú phong lưu; nếu thay người khác vào cảnh ngộ ấy, tất đã nguồn thơ lai láng, ngâm vịnh chẳng còn thiếu gì. Nhất là một người đã có Hán học cứng cáp, từng chịu giáo dục từ chương trước khi ra ngoài thay đổi học thuật.

Nhưng ông không thích ngâm vịnh, sau khi đã tỉnh ngộ từ chương là vô dụng và lập chí cầu học cứu quốc.

Một bạn đồng học với ông ở trường Chấn Võ kể lại cho nghe câu chuyện kỷ niệm lý thú sau này:

Hôm ấy được nghỉ học, tôi với ba anh Lương Lập Nham, Nguyễn Thái Bạt và Lương Nghị Khanh dắt nhau đi bộ ra ngoài thành chơi, nhằm mùa hoa đào đua nở, phong cảnh tuyệt đẹp, xúc cảnh sinh tình con người lữ thứ không khỏi động lòng cố hương; Thái Bạt bỗng động hồn thơ, xướng lên một câu thế nào đó, lâu ngày tôi quên mất, chỉ nhớ là anh gật gù đọc câu mình xướng rồi day mặt lại bảo:

"Lập Nham nối đi!" Anh này lắc đầu chối từ rằng mình đã quên hết lề lối làm thơ. Chúng tôi nghĩ anh tự khiêm hay là có ý kiêu ngạo; mọi người thúc giục anh nối vần cho vui. Anh nghiêm sắc mặt nói: "Ví bằng ngâm thơ mà đuổi được thực dân, cứu lại nước nhà, thì tôi đã làm mãi chả phiền các anh phải bảo!" Lời nói nghe khẳng khái bi thương, khiến chúng tôi lạnh toát cả người, nguội hẳn thi hứng, lúc ấy không ai dám nghĩ đến chuyện làm nối bài thơ nữa.

Sự thật, trong khi còn học tập quân sự ông để hết ngày giờ và trí não cho sự học vấn, thao luyện, chỉ theo đuổi mục đích một ngày kia có thể cầm binh chiến đấu với kẻ thù mà thôi, không có lúc nào nghĩ đến cái thú ngâm vịnh. Cho tới khi sang Tàu phục dịch, thì phải mải miết về chức vụ quân nhân, về việc thực nghiệm binh học để mai sau áp dụng ở đất nhà đối với kẻ thù; có thể nói trí não ông chỉ lo lắng có hai chuyện: binh sự và cách mạng.

Vì thế ông sinh bình không có thơ văn gì truyền tụng như nhiều nhà cách mạng khác.

Mãi đến lúc bị bắt giam hết ngục nọ đến ngục kia, bị cùm xích tàn nhẫn đến phát điên, lại cầm chắc phen này bọn thực dân pháp tất xử mình vào cực hình, lúc bấy giờ ngồi trong xà lim, ông mới thức động hồn thơ, cảm thương thân thế, mà làm ra mấy thiên tuyệt mệnh sau đây:

Một bài là câu liễn tự điếu, tỏ mình Đông du cầu học đầu tiên, luôn mười năm ở hải ngoại gắng gổ kiên cường, chỉ cốt rèn tập nên người như hạng Nguyễn Trãi, Đặng Trần Thường, để sau này ra tay nâng đỡ Tổ quốc, bây giờ chẳng may bị bắt được giết chết, thì hồn thiêng cũng sẽ âm phù mặc trợ cho các đồng chí làm việc Lý Bí, Lê Lợi, cứu vớt non sông kỳ được mới thôi. Ta thấy trong câu văn của tác giả có cái đặc sắc là chỉ dùng điển cố nhân vật ở trong lịch sử nước nhà:

Học hải trước tiên chiên, thập niên dư

學海著先鞭十年餘

Nghị lực tiến hành nghĩ dục Trãi, Thường phù tổ quốc

毅力進行擬育鷹常扶祖國

Hoàng thiên thiên sắc mệnh, cửu tuyền hạ linh

黃天偏嗇命九泉下靈

Hồn phi sang trùng đề Bí, Lợi điện tông bang

魂丕爽重提賁利奠宗邦

Dịch nghĩa:

Bể học vượt đầu tiên, hơn mười năm chí lớn không sờn, muốn đúc Trãi,Thường phù nước tổ.

Trời xanh xui mệnh vắn, dưới chín suối hồn thiêng còn đó lại làm Bí, Lợi, cứu non sông.

Đến bài thơ cũng đại ý cũng như thế, tác giả nói phen này mình chết, tất được gặp ông vua Lam Sơn, tức Lê Lợi quyết xin ngài trở dậy chém giết thực dân, cứu hộ nước Nam cũng như ngày xưa ngài đã giết trừ giặc Minh vậy. Câu thứ năm than thở đời nay không có bạn sáng suốt tử tế, có lẽ ngụ ý cảm khái về hành vi bất lương của người bạn đồng chí đồng học với mình khi mới Đông du tức là Nguyễn Tiêu Đẩu sau về hàng thực dân Pháp lại chỉ đường vẽ lối cho thực dân bắt mình để đổi lấy công danh phú quý. Cũng có lẽ là ám chỉ vào tên Thu làm ở Lãnh sự quán Pháp tại Hương Cảng.

Bài thơ như sau này:

Học hải cầm thư lịch kỷ thu

Nam quan hồi thủ tú du du

Bách niên Tổ quốc quy hồ lỗ

Thất sích tàn khu phó bích lưu

Tư thế bất phùng minh thánh hữu

Lai sinh thả báo phụ huynh cừu

Thử hành hoạch yết Lam Sơn đế

Hoán khởi trùng tiêm Pháp tặc đầu

Dịch nghĩa:

Bể học xông pha trải bấy lâu

Thân tù ngoảnh lại nghĩ mà đau

Trăm năm đất tổ về quân mọi

Bảy thước thân tàn mặc nước sâu

Bạn tốt đời nay sao vắng cả

Thù nhà kiếp khác dễ quên đâu

Hông ta được gặp Lam Sơn đế

Quyết mượn oai linh chém Pháp đầu

Câu đối và bài thơ trên, ông đọc miệng cho một vị đường huynh nghe, khi ông này vào thăm trong ngục.

Còn bài thơ Lục bát gián thất dưới đây là bức thơ vĩnh quyết từ trong ngục thất Hà Nội gửi ra cho phu nhân:

Đạo phu phụ cương thường thiên cổ.

Tình thê nô ái mộ bách niên (1).

Đêm thanh nhớ đến bạn hiền,

Đường xa gửi bức vân tiên tự tình (2).

Kể từ lúc Hải Ninh gặp gỡ (3).

Mối tơ hồng đẹp lứa đôi ta

Hương Giang khi bước chân ra.

Cầm thơ một gánh thất gia một đoàn.

Khi Thượng Hải chăn loan gối phượng.

Lúc Hàng Châu vịnh trúc ngâm mai.

Đề huề mấy chút con giai,

Nhấp men Ngô lịnh, đưa chài Châu Giang.

Nhớ gia hương bước sang Lục tỉnh.

Vượt nghìn non định tỉnh gia thân (4).

Biết bao trọng nghĩa thâm ân,

Trai tài gái nết Tấn Tần đẹp duyên.

Bấy nhiêu năm liên uyên tịnh phượng (5).

Ngoài nhìn dặm hiệp ước hòa chung (6)

Giang sơn chọn một chữ tòng,

Những mong hồng nữ, Vệ công sách tày (7),

Cờ Ngũ tinh kéo về phục quốc (8).

Kiệu tân trang sẽ rước ninh gia (9).

Trên vì nước, dưới vì nhà,

Non sông mở mặt, mẹ cha thỏa lòng.

Than vận nước còn trong hội bĩ.

Lúc tình cờ phút bị gian nguy.

Làm cho Nam, Bắc phân kỳ,

Xa xôi luống những tương ti âm thầm.

Ngày sau khắc ruột tằm vấn vít,

Đêm năm canh hồn điệp ngẩn ngơ.

Đoài thương nấm đất Cần Thơ (10)

Dàu dàu cỏ biếc, lờ mờ rêu xanh

Gió ào ào Nam vinh thung cỗi (11).

Sương mù mù Hà Nội huyên già.

Xiết bao nỗi nước tình nhà.

Hỡi nàng giúp đỡ cho ta thế nào?

Ơn phụ mẫu thiên cao địa hậu.

Mưu tử tôn dụ hậu quang tiền (12)

Khuyên nàng lập chí cho kiên.

Hiếu thân giáo tử báo đền cho anh.

Lòng người đã trung thành sốt sắng.

Giời xanh kia ắt chẳng phụ mình.

Mai sau bĩ cực thái hanh (13).

Kéo cờ Độc lập giữa thành Thăng Long.

Ba mươi triệu Lạc Long tôn tử,

Bốn nghìn năm lịch sử quang vinh.

Giời Nam rực rỡ văn minh,

Sơn hà rửa sạch hôi tanh giặc Hồ.

Cửa Nghĩa môn bầy đồ khánh trúc (14)

Đường Ôn Như hát khúc thăng bình,

Rõ ràng phu quý phụ vinh,

Tiếng thơm muôn nước, phúc thanh một nhà.

Nợ trung hiếu nay đã đền đủ,

Chí tang bồng chẳng phụ làm trai.

Khi lên trời cũng chiều người,

Nàng ơi! Hảy nhớ lấy lời tình chung.

Chú giải

1. – Thê nô: cũng như thê tử, nghĩa là vợ con.

2. – Vân tiên: tờ mây. Đời nhà Đường chế ra thức giấy vẽ mây, gọi là Vân lam chỉ, để viết thư từ. Nhân đấy người sau gọi bóng thư từ là tờ mây.

3. – Hải Ninh: Thuộc về Móng Cái, giáp Đông Hưng nước Tàu. Phu nhân đi sang Tàu gặp ông Lập Nham về đón ở đó.

4. – Định tỉnh: Sớm thăm tối viếng. Kinh Lễ dạy: Đạo người làm con, chiều hôm thì định, sáng sớm thì tỉnh. Định là buổi tối phải lo quét giường, trải chiếu, giũ chăn, buông màn, để cha mẹ yên nghỉ; Tỉnh là sáng sớm hỏi thăm cha mẹ đêm qua có yên giấc không?

5. – Liên uyên tịnh phượng: Loài chim uyên ương và phụng hoàng, bao giờ con đực con cái cũng sống có đôi, bay sát cánh, không hề lìa nhau. Bởi vậy người ta lấy uyên ương và phụng hoàng, để ví với cảnh vợ chồng sum vầy hòa hảo, không lúc nào xa cách.

6. – Hiệp ước hòa chung: Ý nói âm nhạc hiệp vần hòa nhịp với nhau cũng như cuộc đời hòa hảo của đôi vợ chồng.

7. – Hồng nữ Vệ công: sự tích nàng Hồng Phất và Lý Tĩnh đời nhà Đường. Lúc ấy thiên hạ đại loạn, Lý Tĩnh còn là một người học trò hàn vi, có dịp đến ra mắt một nhà quyền quý đương thời, Hồng Phất có mắt xanh, đón biết anh hùng ở giữa trần ai, liền bỏ nhà đi theo họ Lý. Quả nhiên về sau Lý theo giúp vua Đường Thái Tông đánh Đông, dẹp Bắc, dựng nghiệp thống nhất, được phong Vệ Quốc công.

8. Cờ Ngũ tinh: có 5 ngôi sao. Ta xem đây có thể biết ông Lập Nham từ khi còn ở hải ngoại đã cùng các bạn đồng chí dự bị một chương trình thực hành cách mạng, cả đến hiệu cờ cũng đã định sẵn. Đến năm 1917 ngọn cờ phấp phới trên tỉnh thành Thái Nguyên bảy ngày về tay cách mạng, tức là
Ngũ tinh.

9. – Ninh gia: về thăm nhà. Người đàn bà đi lấy chồng lúc trở về thăm nhà mình, gọi là quy ninh hay là ninh gia.

10. – Nấm đất Cần Thơ: Cụ Cả Cương, thân phụ của Lập Nham phu nhân vì cách mạng mà bị thực dân Pháp đưa vào an trí tại tỉnh Cần Thơ rồi cụ qua đời ở đó.

11. – Nam vang Lung cỗi: Lúc này cụ Cử Nhị Khê, thân phụ ông Lập Nham đã bị Pháp bắt giam một độ rồi đưa sang an trí tại Nam

Vang kinh đô nước Cao Miên.

12. – Dụ hậu quang tiền: Gây dựng người sau, rỡ ràng đời trước; ý nói dạy dỗ con cháu cho nên người, rạng vẻ tổ tiên.

13. – Bĩ cực thái hanh: Hết lúc bĩ đến lúc thái.

14. – Cửa Nghĩa môn: Cổng nhà Lập Nham phu nhân ở Động Trung, Thái Bình, đề hai chữ Nghĩa môn tự đời Tổ phụ để lại.

15. – Ôn Như: Biệt hiệu cụ Cử Nhị Khê.

Phụ lục
TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Cuộc đời

Đào Trinh Nhất (1900-1951), tự Quán Chi, là nhà văn, nhà báo Việt Nam giữa thế kỷ XX. Khi viết văn, viết báo, ông ký nhiều bút hiệu: Nam Chúc, Viên Nạp, Hậu Đình, Tinh Vệ, Bất Nghị, Vô Nhị, Hồng Phong, Anh Đào, XYZ... Ông được người trong giới cầm bút đánh giá là người có "cách làm việc nghiêm túc, thận trọng và là người đã biết dùng ngòi bút nghệ thuật làm sống lại nhiều tư liệu đã mai một trong lịch sử cận đại Việt Nam."51

Ông sinh năm Canh Tý (1900) tại Huế. Nguyên quán tại xã Thượng Phán, huyện Quỳnh Côi, tỉnh Thái Bình. Ông là con trưởng Đình nguyên nhị giáp Tiến sĩ (tức Hoàng giáp) Đào Nguyên Phổ. Mẹ là Lương Thị Hòa, con gái Lương Ngọc Quyến và là cháu ngoại Lương Văn Can. Thuở nhỏ, Đào Trinh Nhất theo học chữ Hán ở quê nhà, sau lên Hà Nội học chữ Pháp và chữ quốc ngữ.

Từ năm 1921-1925, ông bước vào làng báo, làm biên tập Hữu thanh tạp chí và Thực nghiệp dân báo. Rồi viết bài cho các báo: Trung hòa nhật báo, báo Đông Pháp.

Ngày 14 tháng Mười một năm 1925, ông vào Sài Gòn, làm thư ký tại Chez Phan Chu Trinh, số 5 Catinat (nay là đường Đồng Khởi).

Ngày 22 tháng Ba năm 1926, ông sang Pháp du học. Ngày 15 tháng Tư năm đó, ông tới Paris, liên lạc với Nguyễn Thế Truyền, Nguyễn Như Phong và viết cho báo Việt Nam Hồn.

Năm 1929, ông về nước, ở luôn trong Nam viết báo, viết sách cho đến bị trục xuất về Bắc vào ngày 25 tháng Bảy năm 1939.

Trong khoảng 10 năm ấy, ở Sài Gòn, ông đã cộng tác với các báo: Phụ nữ tân văn, Công luận, Thần chung, Tân Văn, Việt Nam... và là chủ bút tờ Đuốc Nhà Nam (Flambeau d'Annam) của Bùi Quang Chiêu (năm 1930-1931), tự xuất bản báo Mai (tháng Hai năm 1936-1938).

Ra Hà Nội, ông viết cho tờ Trung Bắc Chủ nhật (1940-1945), báo Nước Nam (1944-1945).

Sau năm 1945, ông hồi cư về Hà Nội, ông tiếp tục viết cho báo Ngày mới, Việt thanh.

Năm 1948, ông viết cho tờ Cải tạo.

Năm 1949-1950, ông vào Sài Gòn làm trong bộ Ngoại giao của Nguyễn Phan Long và viết cho báo Nguyễn Q. Thắng Ánh sáng, Sài Gòn mới, Dân thanh cho đến ngày mất.

Ông mất trong một gian nhà nhỏ ở xóm Hòa Hưng (Sài Gòn) vào chiều thứ Sáu ngày 18 tháng Giêng năm Tân Mão (23 tháng Mười một năm 1951), hưởng dương 52 tuổi, an táng tại nghĩa địa Hòa Hưng.

Được tin ông mất, làng báo, làng văn trong Nam ngoài Bắc đều có bài nói về thân thế, văn nghiệp của Đào Trinh Nhất và cho đăng nhiều điếu từ, đối phúng, văn tế, thơ viếng...để tỏ tình mến tiếc. Ngoài ra, Báo Tiếng Dội (Sài Gòn) còn chủ xướng việc xây mộ cho ông. Và báo Cải tạo (Hà Nội) tổ chức ngày lễ truy điệu long trọng và cho ra một số báo đặc biệt viết đầy đủ về ông (Cải tạo số 134, năm 1951).

Tác phẩm

Vốn là nhà báo viết văn, nên hầu hết các tác phẩm của Đào Trinh Nhất đều đăng từng kỳ trên báo rồi sau mới in thành sách. Theo thống kê chưa đầy đủ, sau 30 năm cầm bút (1921-1951), ông đã để lại khá nhiều tác phẩm như sau:

Thế lực khách trú và vấn đề di dân vào Nam Kỳ. (Thụy Ký - Hà Nội, 1924)

Thần tiên kinh (Dịch của A lan Kardec, 1930)

Cái Án Cao Đài (Sài Gòn, 1929)

Việt sử giai thoại (Hà Nội, 1934)

Nước Nhật Bổn ba mươi năm Duy tân (Đắc Lập - Huế, 1936)

Phan Đình Phùng, một vị anh hùng có quan hệ đến lịch sử hiện thời. (Cao Xuân Hữu-Hải Phòng, 1936; Đại La-Hà Nội, tái bản 1945; Tân Việt – Sài Gòn, tái bản 1957)

Việt Nam Tây thuộc sử (Đỗ Phương Huế - Chợ Lớn, 1937)

Đông Kinh Nghĩa Thục (Mai Lĩnh - Hà Nội, 1938)

Ngục trung thư (Đời cách mạng Phan Bội Châu) (Mai Lĩnh - Hà Nội, 1938; Tân Việt - Sài Gòn tái bản, 1950)

Vương An Thạch (Hà Nội, 1943; Tân Việt-Sài Gòn tái bản 1960)

Cô Tư Hồng (tiểu thuyết, Trung Bắc chủ nhật, Hà Nội, 1944)

Chu Tần tinh hoa (dịch, Hà Nội, 1944)

Lê Văn Khôi (1941-1945)

Con trời ngã xuống đất đen (Hà Nội, 1944)

Chu Tần tinh hoa (1944)

Vương Dương Minh - Người xướng ra học thuyết lương tri và tri hành hợp nhất (Hà Nội, 1944; Tân Việt - Sài Gòn tái bản 1950)

Kẻ bán trời

Con quỷ phong lưu

Bùi Thị Xuân

Lương Ngọc Quyến và cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên 1917 (Quốc Dân thư xã - Hà Nội, 1946; Tân Việt - Sài Gòn tái bản 1957).

Liêu trai chí dị của Bồ Tùng Linh, ông mới dịch được nửa bộ, đang đăng báo thì từ trần (Bốn Phương xuất bản - Sài Gòn, 1950)

Nhận xét về Đào Trinh Nhất

Nhà văn Vũ Bằng

Anh em đều ngán vì ông nói khoan thai, chậm chạp, yếu ớt; đã thế có khi đến mươi, mười lăm phút mới nói một câu; xong, ngồi xì ra đấy. Trong suốt thời kỳ tôi ở Nam, nằm hút ở đường Lefèbvre,

Nhất vẫn cứ xì ra như thế; mặt ông lúc nào cũng bệch bạc, lạnh lẽo... làm cho người đối thoại với ông lần đầu không thể có cảm tình ngay; nhưng biết Nhất lâu ngày, anh em thân đều nhận ông là một người chung thủy, trước sau như một và đối xử rất tận tình với bạn. Đối với làng báo, những bài sưu tầm, nghiên cứu của ông được người ta tìm đọc, một phần vì tài liệu súc tích, mà một phần cũng vì ông đã khéo làm những cái tít khiến cho độc giả giựt gân, muốn đọc xem trong bài ông nói gì. Độc giả Trung Bắc Chủ Nhật mê Đào Trinh Nhất là vào hồi ông viết tiểu thuyết dài như "Cô Tư Hồng", "Con Quỷ Phong Lưu"... khả dĩ đối địch được lại với những truyện dài của Lê Văn Trương lúc ấy đang làm mưa làm gió trong làng tiểu thuyết...Ông bị Tây trục xuất vì bị ngờ là chống lại họ và thân Nhật...52

Từ điển Văn học (bộ mới)

Khuynh hướng chủ yếu trong tác phẩm của ông là tiểu thuyết lịch sử, nhằm vun đắp cho "tòa nhà quốc học" mà các nhà văn hóa và yêu nước tiền bối đã cống hiến suốt đời... Bằng ngòi bút pha chất ký sự lịch sử, ông muốn khôi phục lại truyền thống vẻ vang, quật cường của nhân dân Việt nói riêng và tinh thần thâm thúy phương Đông nói chung... Về phương pháp, Đào Trinh Nhất có cách làm việc nghiêm túc, thận trọng, cho nên dù không rõ xuất xứ, ta vẫn có được một sự tin cậy. Nhìn ở cả hai phương diện: sáng tác và biên khảo, ông đều có những đóng góp nhất định. Cũng như Trúc Khê Ngô Văn Triện và Phan Trần Chúc, ông đã biết dùng ngòi bút nghệ thuật làm sống lại nhiều tư liệu đã mai một trong lịch sử cận đại Việt Nam.53

Nhà văn Vũ Ngọc Phan

Đọc những sách ký sự của Đào Trinh Nhất, người ta thấy ông là một nhà văn thận trọng: những việc ông thuật lại đều là những việc có căn cứ, không vu vơ, không tưởng tượng. Đó chính là những điều cốt yếu cho một quyển lịch sử ký sự.54

GS. Trịnh Vân Thanh

Văn lịch sử ký sự của Đào Trinh Nhất viết rất xác đáng và thận trọng từng chi tiết, lời lẽ rất rõ ràng, không cầu kỳ.55

Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam:

Đào Trinh Nhất là một nhà nghiên cứu, một nhà văn sung sức của văn học Việt Nam hiện đại56.

ĐỘI CẤN, LƯƠNG NGỌC QUYẾN VÀ CUỘC KHỞI NGHĨA THÁI NGUYÊN

Khởi nghĩa Thái Nguyên hay còn gọi là Binh biến Thái Nguyên là tên một cuộc nổi dậy ở tỉnh lỵ Thái Nguyên vào năm 1917 do Trịnh Văn Cấn tức Đội Cấn và Lương Ngọc Quyến chỉ huy, chống lại chính quyền Bảo hộ của Pháp để giành độc lập cho người Việt.

Từ sau vụ Hà Thành đầu độc57 năm 1908 vỡ lở và âm mưu khởi nghĩa năm 1916 thất bại, xã hội Việt Nam ngày càng sôi động mặc dầu chính quyền Bảo hộ cố dập tắt các phong trào kháng cự và bắt giam nhiều chí sĩ. Trong số những người phải thụ án giam ở Thái Nguyên là Lương Ngọc Quyến, con cụ Cử Lương Văn Can, Hiệu trưởng của Đông Kinh Nghĩa Thục. Lương Ngọc Quyến cũng là thành viên của Việt Nam Quang Phục hội và qua ông, trại lính khố xanh canh phòng ở Thái Nguyên hưởng ứng lời kêu gọi nổi dậy chống lại chỉ huy người Pháp. Họ tôn ông là quân sư.

Trong số các binh lính được Lương Ngọc Quyến cảm hóa, có đội trưởng lính khố xanh Đội Cấn. Đội Cấn tên thật là Trịnh Văn Đạt, sinh năm 1881, người làng Yên Nhiên, phủ Vĩnh Tường. Năm 1910, ông vốn là đăng lính khố xanh thay cho anh trai tên là Trịnh Văn Cấn, thăng dần lên chức Đội trưởng đội lính khố xanh trong cơ binh Pháp đóng ở Thái Nguyên. Tuy đi lính cho Pháp, nhưng ông lại rất khâm phục cuộc khởi nghĩa Yên Thế của Hoàng Hoa Thám, đồng thời phẫn nỗ trước sự khinh miệt của chỉ huy Pháp với binh lính người Việt. Thông qua Lương Ngọc Quyến, Đội Cấn đã biết tới đường lối đấu tranh của Việt Nam Quang Phục hội và tình nguyện gia nhập tổ chức. Sau đó Đội Cấn đã cùng với Đội Giá, Đội Xuyên, Đội Nam... bàn bạc quyết định tổ chức một cuộc nổi dậy chiếm tỉnh Thái Nguyên với lực lượng binh lính ở tỉnh lỵ

và các đồn xung quanh cùng với số tù chính trị trong nhà lao.

Tuy nhiên, những sĩ quan Pháp đã nhận biết được ý định khởi nghĩa của binh lính nên đã tìm cách đảo lộn hàng ngũ binh lính, liên tục điều chuyển đồng thời ra sức đề phòng. Cuộc khởi nghĩa do đó bị trì hoãn nhiều lần. Đến tháng Tám năm 1917, được tin sắp có cuộc thuyên chuyển, Đội Cấn quyết định khởi nghĩa vào đến 30 tháng Tám
năm 1917.

Đêm 30 tháng Tám năm 1917, Đội Cấn chỉ huy lực lượng 175 người lính giết giám binh người Pháp tên là Noël, đoạt khí giới đạn dược, rồi phá ngục, giết cai ngục Loew, giải cứu Lương Ngọc Quyến cùng 203 tù nhân. Nghĩa quân sau đó cướp kho bạc và làm chủ toàn tỉnh ly, trừ đồn lính khố đỏ cố thủ ở bên bờ sông Cầu.

Trong sáu ngày từ đêm 30 tháng Tám đến ngày 5 tháng Chín, quân của Đội Cấn trấn giữ thành Thái Nguyên, lại thu nạp thêm các dân phu mỏ và dân địa phương nâng quân số lên khoảng hơn 600 người. Thành phần lực lượng khởi nghĩa gồm khoảng 130 lính vệ binh, hơn 200 tù nhân, 300 dân phu và dân địa phương.[58] Theo gợi ý của Lương Ngọc Quyến, Đội Cấn chia lực lượng khởi nghĩa thành hai tiểu đoàn, tiểu đoàn thứ nhất gồm các lính vệ binh cũ, tiểu thứ hai gồm tù nhân và dân quân, chỉ huy là Ba Chi. Trang bị của đội quân này gồm 92 súng hỏa mai và 75 súng trường mà quân nổi dậy thu được từ kho vũ khí của Pháp.

Họ truyền hịch, đợi các nơi hưởng ứng nổi dậy cùng ngoại viện từ bên Tàu và Nhật đến vì tin rằng Việt Nam Quang Phục hội có lực lượng đợi sẵn để trợ lực. Lãnh tụ cuộc khởi nghĩa cũng tuyên bố độc lập, lấy quốc hiệu là "Đại Hùng". Họ trương cờ Ngũ tinh liên châu của Việt Nam Quang Phục hội trên cửa thành.

Vào ngày 2 Tháng 9 năm 1917, quân Pháp bắt đầu phản công với đội quân 2.700 người[59] và đến ngày 5 Tháng 9 thì đánh vào tỉnh ly. Lương Ngọc Quyến trúng đạn ở đầu chết.[60] Đội Cấn phải triệt thoái khỏi Thái Nguyên chạy về phía bắc. Đến trưa ngày mồng 5 thì Pháp tái chiếm được thành. Số thương vong bên nghĩa quân là 56 người; quân Pháp thiệt mạng 107 người.[61]

Đội Cấn sau đó dẫn quân chạy lên Đại Từ, Tam Đảo rồi xuống Vĩnh Yên, trước khi trở lại vùng Thái Nguyên nhưng lực lượng hao mòn dần. Bị truy nã, ông rút về Pháo Sơn rồi để không bị bắt ông tự tử bằng cách bắn vào bụng. Đó là ngày 11 tháng Giêng năm 1918; cuộc khởi nghĩa chấm dứt. Theo các tài liệu chính thức của Pháp,

một vệ sỹ của ông giết ông để lấy thưởng. Người này dẫn quân Pháp đến nơi được coi là mộ của Đội Cấn. Tuy nhiên dù người Pháp không tỏ vẻ nghi ngờ đương sự, họ vẫn cho là Đội Cấn do bị thương nặng, đã yêu cầu thuộc hạ kết liễu đời mình để khỏi rơi vào tay quân Pháp.62

Quân Pháp tiếp tục càn quét tàn quân của cuộc khởi nghĩa tới tháng Ba thì xong, với một chiến thuật mà họ sử dụng rất hiệu quả là bắt giữ thân nhân của quân khởi nghĩa để buộc họ phải ra hàng. Một số người bị bắt bị kết án tử hình, những người khác bị kết án và đày ra Côn Đảo.

TỦ SÁCH ALPHA DI SẢN

GÓC NHÌN SỬ VIỆT

Là một trong những quốc gia có truyền thống văn hóa lâu đời, nhưng một vấn đề Việt Nam đang phải đối mặt chính là sự đứt gãy về mặt lịch sử - văn hóa. Tức thế hệ trẻ ngày nay không còn được đọc hay hiểu được những gì ông cha ta đã viết. Ngoại trừ giới nghiên cứu, đại bộ phận học sinh, sinh viên ít hoặc không có thói quen tìm đọc những thư tịch cổ của ông cha. Góp phần dẫn đến tình trạng đó là việc rất nhiều tài liệu thư tịch cổ quý giá của ông cha ta hoặc nằm sâu trong các kho tàng của các viện nghiên cứu như Viện Sử học Việt Nam, Viện Triết, Viện Hán-Nôm, Thư viện Quốc gia..., hoặc thuộc về các tổ chức cá nhân sưu tầm sách cổ.

Trước thực tế trên, Công ty cổ phần sách Alpha (Alpha Books) xây dựng đề án Alpha Di sản, mục đích dịch thuật, tái bản các tài liệu, thư tịch cổ có giá trị... Hơn hết, Alpha Books mong muốn xây dựng lại nguồn tài liệu phong phú, đa dạng, chất lượng cho các cơ quan, trường học, thư viện, các trung tâm nghiên cứu và cá nhân, nhằm gìn giữ vốn quý văn hóa của dân tộc.

Xuất bản tháng 10/2014

1. Quang Trung (1788-1792) - Hoa Bằng
2. Trần Hưng Đạo - Hoàng Thúc Trâm
3. Nữ tướng thời Trưng Vương - Nguyễn Khắc Xương
4. Phan Đình Phùng - Đào Trinh Nhất
5. Lương Ngọc Quyến - Đào Trinh Nhất
6. Nguyễn Thái Học - Nhượng Tống
7. Vua Hàm Nghi - Phan Trần Chúc
8. Việt - Pháp bang giao sử lược - Phan Khoang
9. Việt - Hoa bang giao sử -
   Huyền Quang, Xuân Khôi, Thi Đạt Chí
10. Việt - Hoa thông sứ sử lược -
    Bế Lãng Ngoạn, Lê Văn Hòe

11. Việt Nam ngoại giao sử - Ưng Trình
12. Sử ký Đại Nam Việt - Vô Danh

Chú Thích

(1). Yokohama thủ phủ tỉnh Kanagawa của Nhật Bản. (BT) * Tất cả chú thích đề BT trong sách này là của người biên tập.

(2). Người Nhữ Nam thời Đông Hán. (BT)

(3). Lựu đạn. (BT)

(4). Tòa án do thực dân Pháp lập ra để xét xử các vụ án chính trị.

(5). Phong trào quần chúng do các nho sĩ lãnh đạo. (BT)

(6). Kỳ Ngoại hầu Cường Để (畿外侯彊柢; 1882-1951), Ông tên thật là Nguyễn Phúc Đan (阮福單), Hoàng thân triều Nguyễn (cháu năm đời của Nguyễn Phúc Cảnh), và là một nhà cách mạng Việt Nam vào đầu thế kỷ XX. (BT)

(7). Pyotr I: tiếng Anh là Peter I hay tiếng Pháp là Pierre I (sinh 10 tháng Sáu năm 1672 tại Moskva – mất 8 tháng Hai năm 1725 tại Sankt-Peterburg) là Sa hoàng của nước Nga cũ và sau đó là Hoàng đế của Đế quốc Nga (từ năm 1721). Ông được tôn là Pyotr Đại đế (hay Pierre Đại đế, Pi-e Đại đế, tiếng Nga: Пётр Великий, Pyotr Velikiy). Ông được xem là một trong những nhà cải cách kiệt xuất trong lịch sử Nga. (BT)

(8). Nước Tần.

(9). Sẵn sàng bỏ tiền của giúp đỡ người khác. (BT)

(10). Nghĩa là: xui khiến nên (từ cũ), giống như run rủi. (BT)

(11). Washington.

(12). (Từ cũ) Mật thám. (BT)

(13). Biết mình biết người.

(14). Số còn lại

(15). Thành phố tỉnh lỵ của tỉnh Battambang, Campuchia.

(16). Tòa án do thực dân Pháp lập ra để xét xử các vụ án chính trị.

(17). Giam, không cho ra ngoài.

(18). Tức lưu đày.

(19). Chỉ kẻ làm mật thám cho quân thù để hại đồng loại. (BT)

(20). Trốn, bỏ trốn. (BT)

(21). Singapore. (BT)

(22). Rầm rộ. (BT)

(23). Người làm chứng. (BT)

(24). Em ruột. (BT)

(25). Không ngờ được, không liệu trước. (BT)

(26). Bình thản, bình tĩnh như thường. (BT)

(27). Quảng Châu Loan (chữ Hán: 廣州灣; tiếng Pháp: Kouang-Tchéou-Wan hay Kouang-Tchéou-Ouan) là một vùng đất ở miền nam Trung Hoa, ven bờ đông bán đảo Lôi Châu, thuộc tỉnh Quảng Đông. Khu vực này từ năm 1898 là nhượng địa tô giới của Pháp ký với nhà Thanh hạn kỳ 99 năm nhưng đến năm 1946 thì đã hoàn lại Chính phủ Trung Hoa. Nay vùng đất này thuộc Trạm Giang, tỉnh Quảng Đông. (BT)

(28). Tương truyền người bị hổ ăn thịt, cái hồn vẫn phải theo đuổi hổ, rình mò run rủi làm sao, có người khác cho hổ ăn, bấy giờ mình mới được siêu thoát. Đến lượt hồn sau cũng thế. Người ta gọi cái hồn đi bắt mồi cho hổ như thế là tránh. Nhân đấy thành ra danh từ chỉ tỏ như kẻ làm mật thám cho quân thù để hại đồng loại.

(29). Kết án vắng mặt. (BT)

(30). Hay còn gọi là vả là đại từ chỉ người đàn ông mình coi thường. (BT)

(31). Cơ quan mật thám của Pháp, thời thực dân. (BT)

(32). Đày người có tội đi xa. (BT)

(33). Tứ hung: Nhất Đạc, nhì Ke, tam Ma, tứ Bích tức là Darles, Eckert, Delamarre, và Bride, bốn vị công sứ bạo ngược xứ Bắc. Bà con ta gọi là tứ hung và xếp thành một câu ca dao.

(34). Tức làu thông, thuộc làu. Ở đây ý của tác giả là thông thạo tiếng Việt. (Bt)

(35). Việc vất vả mà người tù phải làm dưới sự kiểm soát của lính, thời thực dân.

(36). Kính yêu, cảm mến. (BT)

(37). (Từ cũ) điện báo, đánh điện. (BT)

(38). Năm 1913, khâm sứ Huế là Mahet tự tiện đào mả vua Tự Đức, vì nghe nói mả vua chôn theo rất nhiều bạc vàng châu báu. Muốn trốn tránh trách nhiệm, Mahet làm giấy bảo các cụ thượng bên bộ ký tên vào. Lúc ấy duy có Nguyễn Hữu Bài không ký, cũng như hồi năm 1907, Ngô Đình Khả không chịu ký tên vào giấy của triều đình xin bỏ vua Thành Thái. Nhân đấy ở kinh đô có câu phong dao "Bỏ vua không Khả, đào mả không Bài" (Phế quân vô Khả, quật chủng vô Bài).

(39). Vua Thành Thái bị phế năm 1907, người Pháp lấy cớ nhà vua rối loạn thần kinh, nhưng sự thật là vua không chịu ký nhượng Bắc kỳ làm thuộc địa. Vua Duy Tân bị phế năm 1916, sau cuộc khởi nghĩa thất bại. Cả hai cha còn đều bị đầy sang cù lao Réunion gần Phi châu.

(40). Việc đầu độc ở trại lính tây Hà Nội về mùa hạ năm 1908. Đảng viên cách mạng hợp với Đề Thám định đánh úp lấy Hà Nội cổ động được một số lính tập chịu làm nội ứng, đánh thuốc độc vào đồ ăn của quân lính tây, rồi quân ở ngoài sẽ kéo về tiến công. Nhưng việc không thành, vì có kẻ phản bội, chỉ thu được kết quả là ít nhiều lính tây trúng độc chết.

(41). Năm 1909, một số Đông du học sinh ta hợp với đảng viên cách mạng Tàu nổi lên ở Lạng Sơn, giết Tây chết nhiều.

(42). Các cụ Lương Văn Can, Nguyễn Quyền, Đào Nguyên Phổ, Phan Tuấn Phong, Lê Đại, Dương Bá Trạc... lập trường Đông Kinh Nghĩa Thục bề ngoài là cơ quan giáo dục, nhưng bề trong chính là công cuộc cách mạng kháng thực dân. Lúc ấy là năm 1907.

(43). Năm 1908, dân tỉnh Quảng Nam khởi lên phong trào kháng cự sưu thuế, kéo nhau đi hàng vạn người lên biểu tình ở trước tòa sứ. Phong trào ấy trán lan tới các tỉnh Bình Định, Thừa Thiên, ra đến Nghệ, Tĩnh. Người Pháp lấy võ lực đàn áp, bắn chết lương dân vô số. Lòng người công phẫn lạ lùng.

(44). Năm 1913, Nguyễn Khắc Cần ném bom vào nhà hàng Hà Nội Hôtel, giết chết hai võ quan Pháp là Chapuis và Montgrand.

(45). Lúc bắt đầu Âu chiến 1914-1918, một nhóm ái quốc ở Nam phần, phần nhiều là người có chân trong hội bí mật Thiên Địa hội, họp nhau khởi nghĩa, tôn Phan Xích Long làm Minh chủ, để hiệu triệu dân chúng cho dễ, vì Xích Long là người tu hành nổi tiếng bùa phép. Phong trào này đại khái cũng như phong trào Kỳ Đồng và Thiên Binh ở Bắc, năm 1897.

(46). Tức Paris.

(47)1. Dịp may hiếm có, nghìn năm có một.

(48). Hăng hái, phấn khởi. (BT)

(49). Cuộc khởi nghĩa Thái Nguyên năm 1917, khởi lên từ đêm 30 rạng 31 tháng Tám dương lịch, quân cách mạng chiếm giữ tỉnh thành từ đây cho đến quá trưa hôm 5 tháng Chín mới rút lui; tính ngày là 7 ngày, nhưng tính giờ thì được 5 ngày trọn.

(50). Hãy đọc Nguyễn Thái Học do Nhượng Tống biên soạn, Tân Việt xuất bản.

(51). Theo Từ điển văn học (bộ mới), sách đã dẫn, tr. 383.

(52). Vũ Bằng, 40 năm nói láo, Nxb VHTT, 1993, tr. 174-175.

(53). Mục từ do Nguyễn Q. Thắng soạn, in trong Từ điển Văn học bộ mới, Nxb Thế giới, 2004, tr. 383.

(54). Vũ Ngọc Phan, Nhà văn hiện đại tập I, Nxb Khoa học – Xã Hội, 1989, tr. 466.

(55). GS. Trịnh Vân Thanh, Thành ngữ điển tích danh nhân từ điển quyển I, tác giả tự xuất bản, Sài Gòn, 1966, tr. 220.

(56). Nguyễn Q. Thắng & Nguyễn Bá Thế, Từ điển nhân vật lịch sử Việt Nam, NXb Khoa học – Xã Hội, 1992, tr. 127-128.

(57). Vụ mưu sát và binh biến trong hàng ngũ bồi bếp và binh lính người Việt Nam phục vụ cho quân Pháp đóng ở thành Hà Nội diễn ra ngày 27 tháng Sáu năm 1908. Mục đích của họ nhằm đầu độc quân Pháp để chiếm Hà Nội, thêm sự tiếp ứng và chỉ đạo từ bên ngoài của nghĩa quân Hoàng Hoa Thám, cùng với sự tham gia của Phan Bội Châu trong việc vạch kế hoạch để tạo cuộc khởi nghĩa

đánh đuổi người Pháp.

(58). Peter Zinoman (2001). The colonial Bastille: a history of imprisonment in Vietnam, 1862-1940, trang 166.

(59). Trích Trần Huy Liệu Loạn Thái Nguyên, lực lượng Pháp có hơn 500 quân chính qui được trang bị trọng pháo.

(60). Những phong trào chống Pháp đầu thế kỷ XX Theo tài liệu này thì Lương Ngọc Quyến nhờ Trịnh Văn Cấn bắn vào ngực để quyên sinh.

(61). Trần Huy Liệu, trang 111.

(62). Peter Zinoman (2001). The colonial Bastille: a history of imprisonment in Vietnam, 1862-1940, trang 167,